

BÁO CÁO ĐẶC BIỆT – “MARKET WAVES” (KỲ 4)

Những thương vụ cổ phần hóa, thoái vốn
Doanh nghiệp Nhà nước đáng chú ý trên TTCK Việt Nam

BSC Research – T08/2026

I	<u>Bối cảnh vĩ mô</u>	
	<u>Một số mục tiêu phát triển Kinh tế – Xã hội 2026 - 2030</u>	
	<u>Trụ cột tăng trưởng GDP năm 2026</u>	
	<u>Động lực cổ phần hóa, thoái vốn từ góc nhìn vĩ mô</u>	
	<u>Thực trạng cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp nhà nước từ 1986 - 2025</u>	
II	<u>Những thương vụ cổ phần hóa, thoái vốn đáng chú ý trên TTCK</u>	
	<u>Mô hình tổ chức TTCK Việt Nam</u>	
	<u>Tỷ lệ sở hữu theo nhóm nhà đầu tư trên thế giới</u>	
	<u>Thoái vốn, cổ phần hóa, đấu giá cổ phần doanh nghiệp thông qua phương thức đấu giá</u>	
	<u>Thoái vốn, cổ phần hóa, đấu giá cổ phần thông qua phương thức đấu giá trên TTCK</u>	
	<u>Thương vụ IPO DNTN, cổ phần hóa/thoái vốn DNNN đáng chú ý từ 2007 - 2025</u>	
	<u>Hoạt động IPO, niêm yết, cổ phần hóa trên TTCK - làn sóng thứ 3 đã bắt đầu?</u>	
	<u>Hoạt động đấu giá cổ phần/quyền mua sôi động trong các làn sóng IPO, cổ phần hóa</u>	
	<u>Tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại một số doanh nghiệp đáng chú ý trên TTCK Việt Nam</u>	
	<u>Một số Doanh nghiệp đáng chú ý trong “làn sóng” cổ phần hóa, thoái vốn sắp tới</u>	
III	<u>Cập nhật thay đổi pháp lý</u>	
	<u>Chuyển đổi tư duy: từ cơ chế “Xin – cho” sang “Tự chủ - Tự chịu trách nhiệm”</u>	
	<u>Quyết định 40/2026: nâng tỷ lệ sở hữu Nhà nước ở 1 số nhóm ngành quan trọng</u>	
	<u>Giải pháp đối với vấn đề “Tư cách công ty đại chúng” và một số lưu ý</u>	

3	<u>IV Phụ lục</u>	23
4	<u>Một số nghiên cứu, báo cáo khác đáng chú ý của BSC Research</u>	24
5	<u>Tỷ lệ sở hữu nhà nước tại các công ty con, công ty liên kết thuộc các TĐKT/TCT</u>	25
6	<u>Danh sách các Doanh nghiệp Nhà nước đang sở hữu cổ phiếu quỹ</u>	27
7	<u>Chính sách tài khóa – Nhu cầu vốn lớn</u>	28
8	<u>Tỷ lệ sở hữu cổ phần Nhà nước trên TTCK Việt Nam và tính “cô đặc” khu vực châu Á</u>	31

Phụ trách nội dung



Mr. Vu Viet Anh
Analyst

 **12 yrs+**

 Macro - Market

 anhvv@bsc.com.vn



Ms. Pham Thanh Thao
Analyst

 **5 yrs+**

 Macro - Market

 thaopt@bsc.com.vn

Bối cảnh vĩ mô



Một số mục tiêu phát triển Kinh tế – Xã hội 2026 - 2030

	Kế hoạch 2021-2025	Ước thực hiện 2025	Ước thực hiện 2021-2025	Kế hoạch 2026-2030
 Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm	6.5 – 7.0%	8.3 – 8.5%	6.3%	> 10%
 GDP bình quân đầu người (USD)	4,700 – 5,000	5,000	5,000	8,500
 Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	~ 20%	14%	14%	30%
 Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP	32 - 34%	33.5%	33.2%	40%
 Tỷ lệ nợ công/GDP	≤ 60%	38%	37 – 38%	41 – 42%
 Vốn đầu tư công (triệu tỷ đồng)	2.87	0.91	3.40	8.31
 Thu NSNN (triệu tỷ đồng)	8.3	2.65	9.6	16.1
 Chi NSNN (triệu tỷ đồng)	10.26	2.40	10.9	20.9

GDP = Tích lũy tài sản + Tiêu dùng cuối cùng + Chênh lệch XNK



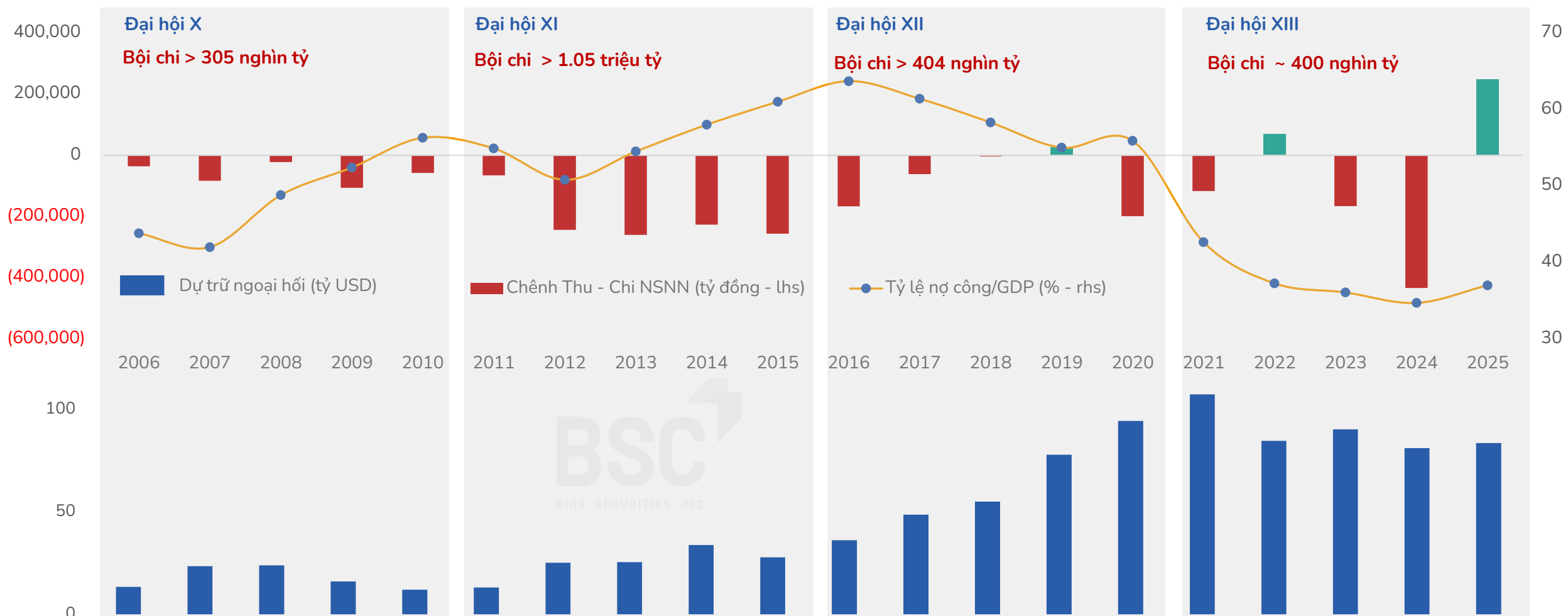
- Bao gồm:
- Đầu tư khu vực Nhà nước
 - Đầu tư khu vực tư nhân
 - FDI

- Bao gồm:
- Chi tiêu hộ dân cư
 - Chi thường xuyên từ NSNN
 - ...

- Bao gồm:
- Giá trị xuất khẩu
 - Giá trị nhập khẩu

Cấu phần GDP		Tỷ trọng so với GDP 2024 (%)	Tỷ trọng so với GDP 2025 (%)
TDCC Hộ dân cư		53.58	53.21
TDCC Nhà nước		8.85	9.38
Tích lũy tài sản	Khu vực Nhà nước	7.87	8.65
	Khu vực tư nhân	17.94	17.41
	FDI	5.29	5.29
Chênh lệch XNK		6.97	6.15

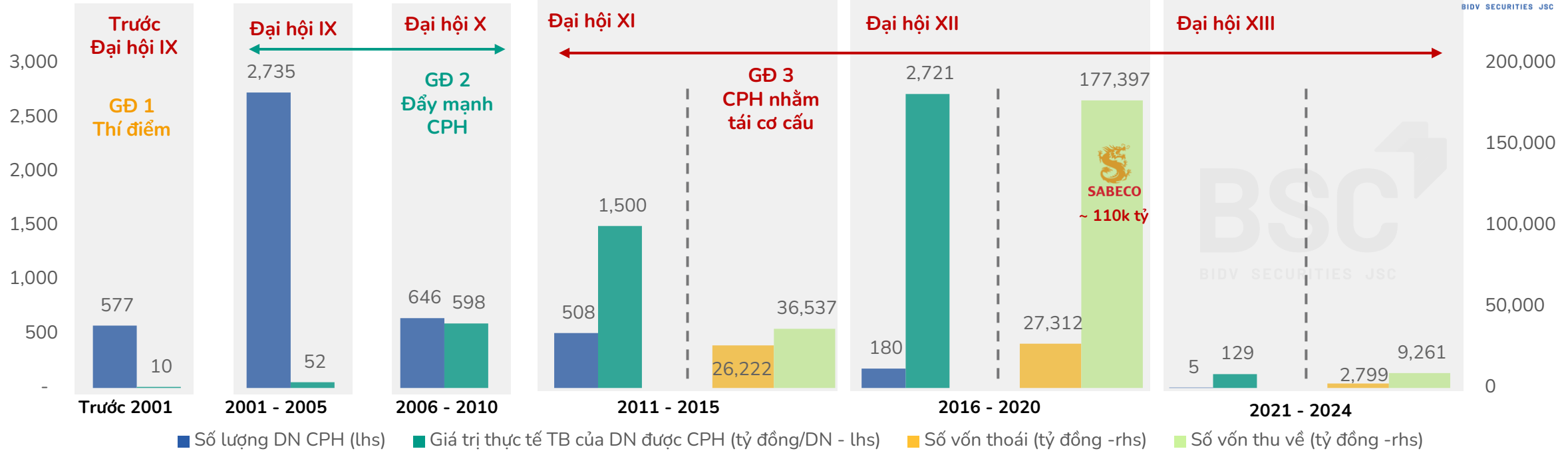
- Trong giai đoạn 2026 – 2031, mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao hơn hẳn mục tiêu và kết quả đạt được trong giai đoạn 2021 -2025.
- Từ năm 2026, cấu phần xuất nhập khẩu và FDI của Việt Nam (đóng góp khoảng 11 – 12% GDP) sẽ tăng trưởng chậm lại do thuế quan Hoa Kỳ. Hai cấu phần này đóng góp khoảng 11 - 12% GDP, đồng thời, FDI đóng góp khoảng 5.4 triệu lao động làm việc. Hiệu ứng tiêu cực từ Hoa kỳ sẽ lan tỏa đến tiêu dùng trong nước, vốn đang tăng trưởng thấp từ sau đại dịch Covid-19.
- Để bù đắp thiếu hụt từ bên ngoài (XNK & FDI), đồng thời theo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao 10% trong giai đoạn 2026 – 20430, **Chính phủ nhấn mạnh Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tiên phong, dẫn dắt (NQ79)**. Thực tế, tỷ trọng các cấu phần **chi tiêu khu vực NN** và **đầu tư của khu vực NN** đã tăng trong năm 2025 – năm bản lề cho “Kỷ nguyên vươn mình”.
- Chi tiêu hộ dân cư và đầu tư khu vực tư nhân chiếm tỷ trọng lớn trong đóng góp GDP, là mục tiêu thúc đẩy của Chính phủ.



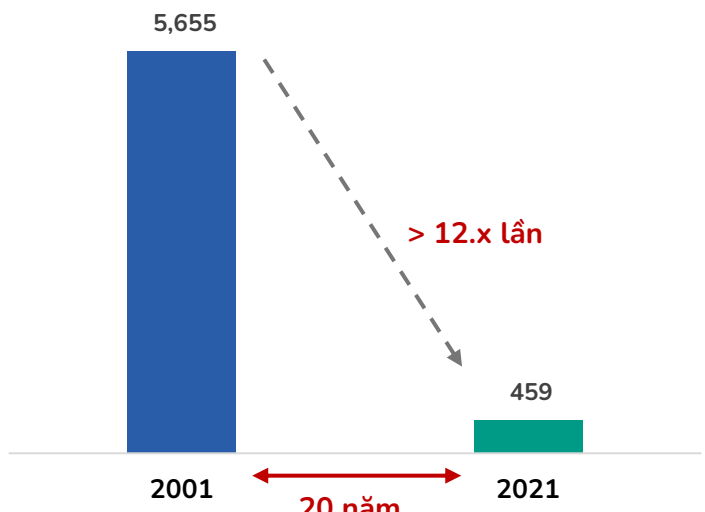
Nguồn: IMF, Bloomberg, GSO, năm 2025 là số ước tính, BSC Research tổng hợp

- Mục tiêu chi NSNN và giải ngân đầu tư công giai đoạn 2026 – 2030 cao hơn nhiều lần so với giai đoạn 2021 – 2025. **Một số bất cập hiện tại:** (1) Chi NSNN vượt xa so với thu NSNN trong giai đoạn 2026 – 2030 khiến Chính phủ phải huy động vốn vay trong và ngoài nước, làm tăng tỷ lệ nợ công/GDP và (2) Vay nợ nước ngoài có thể làm (i) gia tăng sức ép lên tỷ giá và (ii) ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam.
- Quy định về DNNN, cạnh tranh và minh bạch trong các hiệp định như EV FTA và CPTPP:** không trực tiếp bắt buộc Việt Nam phải thoái vốn/cổ phần hóa nhưng các quy định về DNNN, cạnh tranh và minh bạch khiến việc thu hẹp vai trò sở hữu nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa và thoái vốn trở nên phù hợp và gần như tất yếu nếu Việt Nam muốn tận dụng FTA và CPTPP hiệu quả.
- Việc cổ phần hóa, thoái vốn DNNN giúp:** (1) tạo ra dòng tiền mặt quy mô lớn để tập trung cho dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia và (2) làm bộ đệm cho nợ công. Mặt khác, điều này sẽ giúp tái định hình lại danh mục đầu tư: (1) Rút khỏi các lĩnh vực tư nhân đang làm tốt hơn hoặc các lĩnh vực kém cạnh tranh (bán lẻ, tiêu dùng, xây lắp), (2) Tập trung nguồn lực (vốn, nhân sự, cơ chế) vào các ngành xu hướng toàn cầu: Năng lượng tái tạo, Bán dẫn, Hạ tầng số và An ninh quốc phòng; (3) Kiến tạo lợi thế xuất khẩu mới: Làm chủ công nghệ lõi để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nhất là trong bối cảnh đầy bất ổn hiện tại

Thực trạng cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp nhà nước từ 1986 - 2025



Số lượng doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước



Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Chính phủ
84 văn bản

69 Nghị định,
Nghị quyết, Chỉ thị

15 Thông tư

34 văn bản về sắp xếp
tái cơ cấu, CPH, TV

21 văn bản về Đổi mới
tổ chức, quản lý hoạt động

14 Điều lệ tổ chức hoạt động
của ĐTKT/Tổng Công ty

Chính phủ
57 văn bản

38 Nghị định,
Nghị quyết, QĐ

19 Thông tư

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC
CMSC
TẠI DOANH NGHIỆP

Thành lập
08/02/2018

- Kể từ Đại hội XI: BCH TW Đảng thống nhất tái cơ cấu nền kinh tế khi chuyển từ “**chú trọng tăng trưởng**” sang “**cân đối giữa ổn định và tăng trưởng**”.
- Đại hội XI đưa ra mục tiêu **tái cơ cấu nền kinh tế** với 03 trọng tâm: (1) Đầu tư công; (2) Hệ thống ngân hàng, tài chính; (3) Doanh nghiệp Nhà nước mà trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh.
- Lĩnh vực Nhà nước tập trung**: Quốc phòng an ninh, then chốt, an sinh xã hội, sản phẩm/dịch vụ công thiết yếu...
- Lĩnh vực hạn chế gồm 05 lĩnh vực nhạy cảm**: (1) Tài chính ngân hàng; (2) Chứng khoán; (3) Bảo hiểm; (4) Bất động sản; (5) Quỹ đầu tư.
- Những ngành ngoài hoạt động SXKD chính thì không cần nắm giữ cổ phần chi phối**.

Những thương vụ cổ phần hóa,
thoái vốn đáng chú ý trên TTCK





Chính Phủ

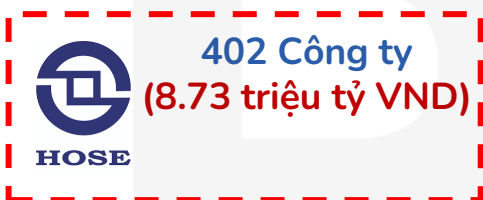


Bộ và các Cơ quan ngang Bộ

SSC Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



Khối ngoại
tìm kiếm
cơ hội
đầu tư



402 Công ty
(8.73 triệu tỷ VND)



704 Công ty niêm yết
(Vốn hóa 9.17 triệu tỷ VND)

302 Công ty
(0.44 triệu tỷ VND)



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

↑ Quá trình “tạo hàng hóa”: niêm yết, chuyển sàn, IPO...

Nguồn “hàng hóa”
tiềm năng



UPCOM

839 Công ty ĐKGD
(1.33 triệu tỷ VND)

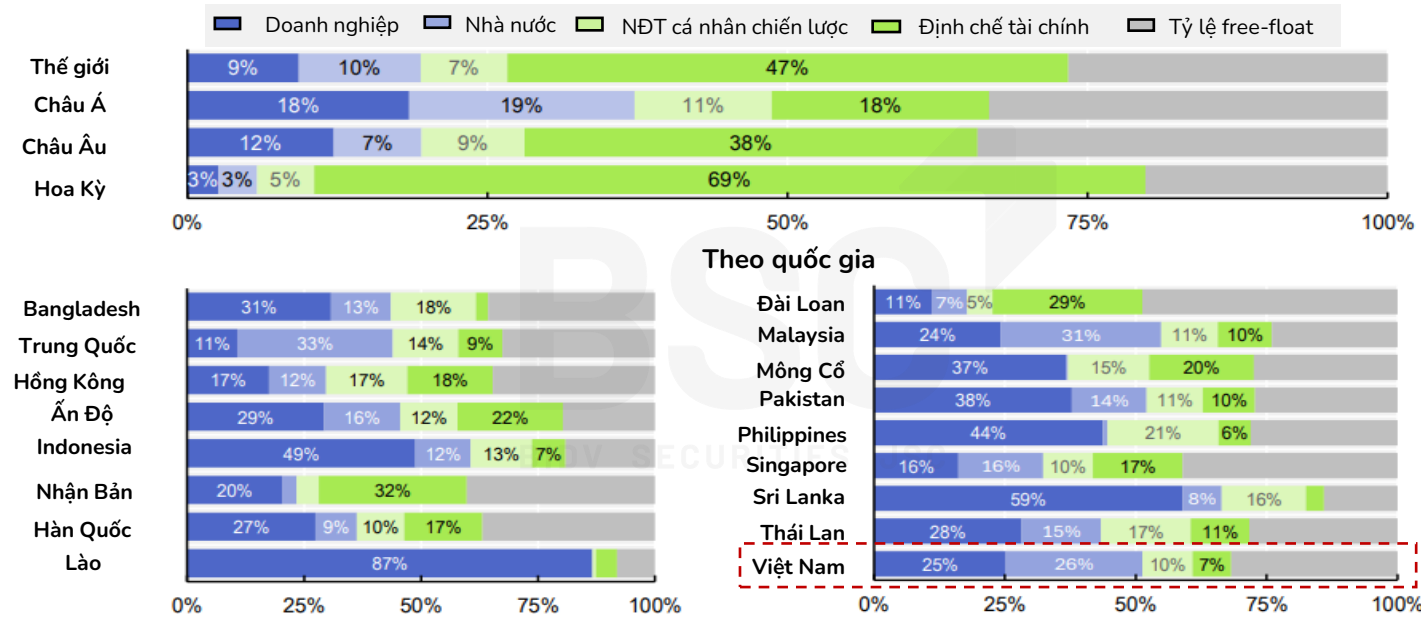


Cổ phần hóa, thoái vốn
Doanh nghiệp Nhà nước

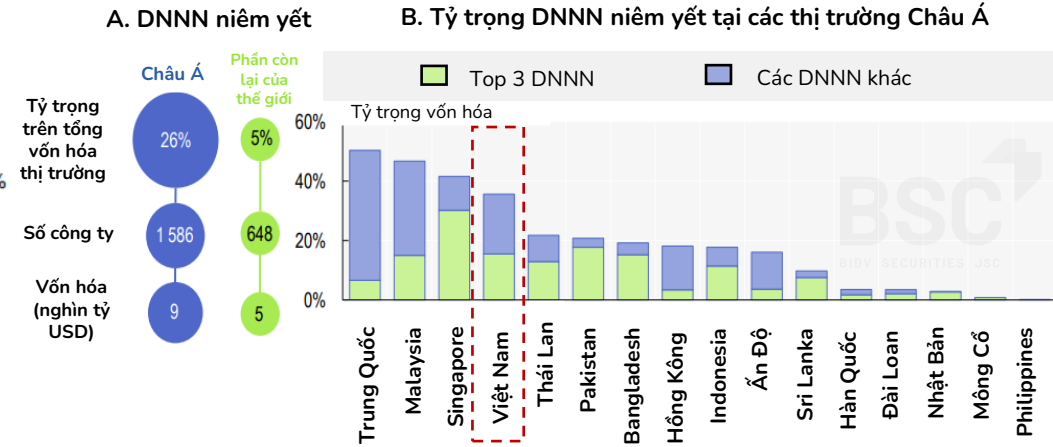


Tỷ lệ sở hữu theo nhóm nhà đầu tư trên thế giới

Cơ cấu sở hữu theo nhóm nhà đầu tư tại các công ty niêm yết theo khu vực và quốc gia năm 2024



Phần lớn các doanh nghiệp SOEs chiếm tỷ trọng lớn ở TTCK khu vực châu Á



*Ghi chú: DNNN là những doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX có tỷ lệ sở hữu nhà nước ≥ 25%. Dữ liệu không bao gồm dữ liệu của Lào và Campuchia

Nguồn: OECD, LSEG, FactSet, Bloomberg, BSC Research tổng hợp

- **Nhà đầu tư định chế tài chính:** Đây là nhóm nhà đầu tư lớn nhất toàn cầu, chiếm 47% tổng lượng nắm giữ cổ phiếu. Tuy nhiên, tỷ lệ này tại Châu Á thấp hơn đáng kể, chỉ ở mức 18%.
- **Nhóm nhà đầu tư Doanh nghiệp/Tập đoàn:** các tập đoàn là chủ sở hữu chiếm ưu thế đối với cổ phiếu đại chúng tại Châu Á, phản ánh sự tồn tại nổi bật của cấu trúc mô hình nhóm công ty. Lượng nắm giữ chiếm 18% tổng số, gấp đôi so với mức 9% của thế giới.
- **Khu vực Nhà nước và NĐT cá nhân chiến lược:** Tỷ trọng sở hữu của hai nhóm này tại Châu Á cũng cao hơn so với mức bình quân toàn cầu.
- **Tỷ lệ free-float Việt Nam tương quan trong khu vực ASEAN:** Với tỷ lệ khoảng 32%, tỷ lệ free-float của Việt Nam khá dồi dào (cao hơn Thái Lan và Indonesia), chỉ đứng sau thị trường phát triển nhất khu vực là Singapore (41%) và nhỉnh hơn Thái Lan, Philippines (29%).
- Tuy nhiên, dù có đến 32% free-float, **Việt Nam lại có mức độ tập trung sở hữu của 3 cổ đông lớn nhất lên tới 59% (ngang bằng với Singapore) xếp sau Indonesia (71%) và Philippines (69%)** – đến từ sự chi phối của cổ đông Nhà nước thay vì các Tập đoàn gia đình ([chi tiết biểu đồ](#))

- + **Việt Nam, Malaysia và Singapore là những thị trường mà các Doanh nghiệp Nhà nước có tầm ảnh hưởng lớn nhất**, đóng góp hơn một phần ba (>33,3%) tổng vốn hóa của toàn thị trường
- + **Vai trò của Khu vực Nhà nước:** Việt Nam đứng thứ 02 trong nhóm (với tỷ lệ sở hữu 26%), chỉ thấp hơn Malaysia (31%). Ngược lại, tỷ lệ này ở Philippines gần như bằng 0% và Indonesia chỉ là 12%;
- + **Sự hiện diện của các Doanh nghiệp/Tập đoàn:** Việt Nam (25%) và Malaysia (24%) có mức sở hữu tập đoàn tương đồng nhau. Tuy nhiên, con số này thấp hơn nhiều so với các thị trường bị chi phối bởi mô hình gia đình/tập đoàn như Indonesia (49%); Philippines (44%).
- + **Sự tham gia của các Định chế tài chính:** Việt Nam, Indonesia và Philippines nắm giữ chưa tới 10% tổng vốn hóa thị trường. Điều này làm hạn chế cổ phiếu free-float chất lượng cho các Định chế tài chính.

Giá trị thoái vốn thành công phân theo chủ sở hữu từ 2005 – 2025

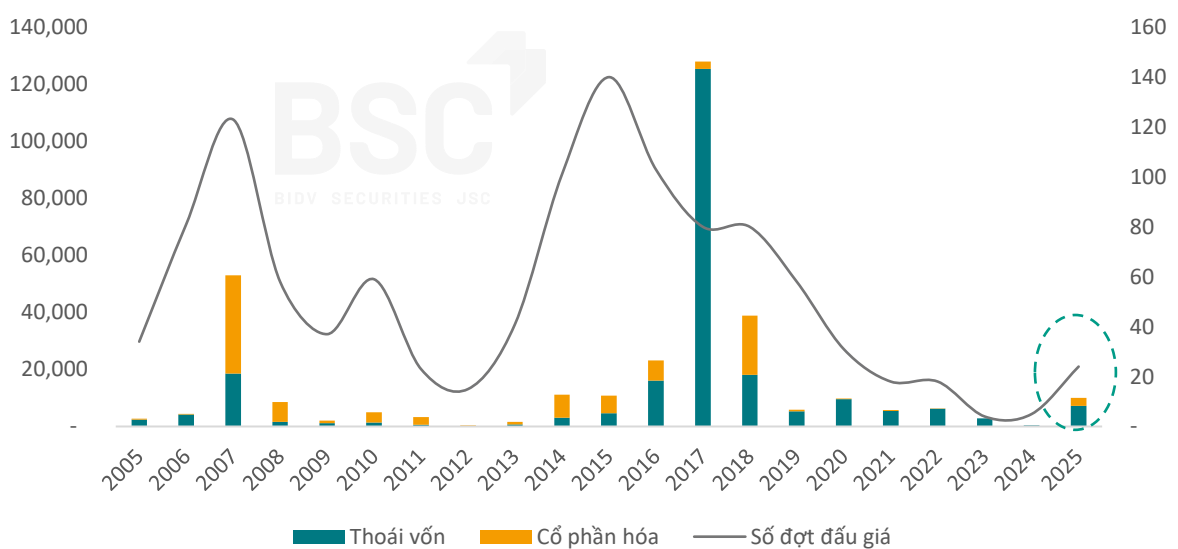
	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng cộng
Bộ/UBND	500	2,505	6,036	1,472	516	998	537	81	220	868	2,600	3,923	113,689	6,494	3,522	8,285	2,480	360	168	1	1,722	156,975
SCIC	1,385	13	113	-	-	-	-	-	-	28	1,151	11,576	9,432	9,893	550	1,055	1,618	5,033	-	394	3,818	46,058
Tổng công ty	420	1,463	10,129	32	124	252	1	-	451	1,744	824	151	745	479	743	175	-	152	2,703	30	1,496	22,112
Khác	98	255	2,308	60	528	193	57	45	15	389	77	389	1,509	1,282	508	82	1,365	670	-	-	150	9,981
Tổng	2,403	4,236	18,586	1,565	1,167	1,443	595	126	686	3,028	4,651	16,039	125,375	18,147	5,322	9,597	5,463	6,215	2,870	425	7,186	235,127

Giá trị cổ phần hóa thành công phân theo chủ sở hữu từ 2005 – 2025

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng cộng
Bộ/UBND	84	-	16,222	6,830	203	883	2,384	148	600	4,856	5,309	7,145	2,505	1,289	446	16	21	0	-	-	3	48,943
Tổng công ty	240	133	17,331	134	172	2,124	-	37	234	3,014	533	9	119	19,450	133	-	49	-	-	-	-	43,711
Khác	-	-	880	-	582	509	272	16	55	256	-	-	-	-	-	215	242	-	-	-	2,882	5,909
SCIC	-	-	-	-	-	-	-	10	59	-	278	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-	357
Tổng	325	133	34,433	6,964	957	3,516	2,656	211	948	8,126	6,120	7,154	2,633	20,740	579	231	312	0	-	-	2,885	98,920

* **Tổng công ty:** Bao gồm 19 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước chủ chốt ([chi tiết](#)). **Khác:** bao gồm chủ sở hữu DN là tư nhân, đơn vị công lập đoàn thể, và hoạt động đấu giá tại các công ty được quản lý bởi công ty có vốn nhà nước phụ trách

Giá trị thoái vốn và cổ phần hóa thông qua đấu giá trên TTCK từ 2005 -2025



Dữ liệu tổng hợp từ báo cáo thường niên của HNX, HSX tính đến ngày 27/03/2026. Đơn vị: Tỷ đồng

- Hoạt động thoái vốn và cổ phần hóa doanh nghiệp trên 2 sàn HOSE và HNX thông qua phương thức đấu giá ghi nhận xu hướng tích cực trong 2 giai đoạn: **2006-2008 và 2014-2018**, sau giai đoạn 2018 trở đi hoạt động CPH, TV đi vào giai đoạn trầm lắng. Hoạt động đấu giá bắt đầu ghi nhận xu hướng sôi động trở lại trong năm 2025 đặc biệt là đối với hình thức thoái vốn theo chủ trương thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn DNNN để nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp theo Nghị quyết 79- NQ/TW.
- Trong giai đoạn 2006 – 2008: CPH, TV tập trung chủ yếu ở các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước chủ chốt. Ngoài ra, trong giai đoạn này Bộ và các Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố (Bộ/UBND) cũng tích cực đẩy mạnh hoạt động đấu giá.
- Giai đoạn 2014- 2018, hoạt động cổ phần hóa được đẩy mạnh tại các Bộ/UBND và 19 tổng công ty. Liên quan hoạt động thoái vốn, giai đoạn 2015-2018, Bộ/UBND và SCIC đẩy mạnh hoạt động này và đạt đỉnh điểm vào năm 2017 liên quan đến thương vụ thoái vốn của Bộ Công Thương tại Sabeco. Hoạt động thoái vốn tiếp tục được duy trì ở mức ổn định trong giai đoạn 2019 đến năm 2022 trước khi ghi nhận xu hướng suy giảm.

Nguồn: Hose, Hnx, BSC Research

Nhóm ngành	1										2										Tổng cộng	
	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024		2025
Thực phẩm và đồ uống	1,582	649	2,046	6,044	91	64	21	10	195	1,000	933	13,577	119,370	2,090	424	222	1,473	-	-	-	520	150,312
Xây dựng và Vật liệu	203	272	2,041	615	210	395	353	-	77	1,221	1,406	1,523	2,785	12,602	1,701	3,036	372	106	139	223	4,294	33,574
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-	436	9,490	2	6	2,562	2	-	42	570	479	515	699	8,288	1,818	1,066	6	-	-	-	-	25,981
Bất động sản	15	136	4,123	7	-	250	71	17	254	447	341	1,125	2,377	1,360	191	3,970	1,260	4,932	-	-	119	20,994
Ngân hàng	-	-	10,521	1,088	-	0	1,772	45	-	315	-	270	837	202	309	92	-	0	2,568	-	-	18,018
Hóa chất	0	1,367	7,955	89	278	234	-	-	197	1,905	194	341	-	1,419	180	67	1,068	747	-	-	-	16,041
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	478	642	4,474	252	256	368	10	120	172	1,800	2,277	2,578	399	419	325	823	12	-	163	201	70	15,840
Dầu khí	377	8	559	-	48	32	470	-	-	21	0	-	45	9,744	13	-	-	46.41	-	-	-	11,364
Dịch vụ tài chính	-	-	4,301	6	699	361	81	-	30	854	95	18	344	-	268	46	97	-	-	1	37	7,238
Bảo hiểm	-	-	5,193	-	-	131	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-	1,410	-	-	-	-	6,799
Hàng cá nhân & Gia dụng	-	248	496	198	-	92	-	65	35	1,688	645	249	210	399	122	-	55	276	-	-	1,379	6,158
Du lịch và Giải trí	12	363	421	9	40	213	-	-	417	346	2,539	229	440	789	65	164	-	-	-	-	53	6,101
Bán lẻ	-	33	410	60	-	199	-	-	16	601	763	188	296	1,433	21	339	-	108	-	-	909	5,376
Công nghệ Thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	298	39	-	59	-	-	-	-	-	-	2,562	2,959
Tài nguyên cơ bản	61	116	738	97	418	-	395	30	33	234	174	345	89	57	30	3	-	-	-	-	126	2,948
Y tế	-	100	219	59	-	40	-	-	134	-	350	720	-	-	156	-	-	-	-	-	-	1,778
Ô tô và phụ tùng	-	-	33	4	77	17	75	-	33	56	5	1,251	-	-	196	-	-	-	-	-	-	1,745
Truyền thông	-	-	-	-	-	-	-	49	-	30	269	225	118	26	83	-	21	-	-	-	-	822
Total	2,728	4,369	53,019	8,529	2,124	4,959	3,251	337	1,634	11,154	10,771	23,192	128,008	38,887	5,901	9,828	5,776	6,216	2,870	425	10,071	334,047

Dữ liệu tổng hợp từ báo cáo thường niên và số liệu thống kê tính đến ngày 27/02/2026 trên HNX, HSX. Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: Hose, Hnx, BSC Research

- **Giai đoạn 2006-2008:** hoạt động thoái vốn và cổ phần hóa được đẩy mạnh tại nhóm **ngành Ngân hàng** với thương vụ cổ phần hóa tại Vietcombank với giá trị hơn 10,516 tỷ đồng, tiếp theo là nhóm ngành **Điện, nước & xăng dầu khí đốt và Hóa chất**.
- **Giai đoạn 2014- 2018:** nhóm ngành **(1) Thực phẩm đồ uống; (2) Xây dựng và Vật liệu và (3) Điện, nước & xăng dầu khí đốt** ghi nhận con số rất tích cực. Đặc biệt trong năm 2017, hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn DNNN ghi nhận con số kỷ lục, nổi bật là thương vụ thoái vốn **gần 110 nghìn tỷ tại Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)** của Bộ công thương cho ThaiBev. Trong năm 2018, hoạt động thoái vốn và cổ phần hóa được đẩy mạnh tại **nhóm Dầu khí** với các thương vụ nổi bật như: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (OIL) với giá trị 4,177 tỷ đồng; Công ty TNHH Một thành viên Lọc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR) với giá trị 5,566 tỷ đồng.
- **Giai đoạn 2020-2022:** hoạt động thoái vốn và cổ phần hóa được đẩy mạnh tại **nhóm ngành Bất động sản** đến từ các chính sách kích thích thúc đẩy thị trường bất động sản, tuy nhiên giá trị và số lượng các doanh nghiệp thực hiện các đợt đấu giá không nhiều như các giai đoạn trước đó.
- **Năm 2025:** Hoạt động đấu giá cổ phần có xu hướng tích cực trở lại vào giai đoạn cuối năm 2025, tập trung tại các nhóm ngành như **(1) Xây dựng và Vật liệu; (2) Công nghệ thông tin và (3) Hàng các nhân & gia dụng**, một số thương vụ tiêu biểu có thể kể đến như: Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP (1,231 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (1,379 tỷ đồng), Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (2,562 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (2,882 tỷ đồng)

Thương vụ IPO DNTN, cổ phần hóa/thoái vốn DNNN đáng chú ý từ 2007 - 2025

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN)

Vietcombank 12/2007	10,516
Đạm Phú Mỹ (PVFCCo) 04/2007	6,997
PV Power 01/2018	6,996
Lọc dầu Bình Sơn (BSR) 01/2018	5,566
Sabeco 01/2008	5,485
Bảo Việt 05/2007	4,393
PV OIL 01/2018	4,177
PVFC 10/2007	4,172
VEAM 08/2011	2,136
PV GAS 11/2010	1,890
Đạm Cà Mau (PVCFC) 12/2014	1,579
BIDV 12/2011	1,575

- Làn sóng cổ phần hóa DNNN đầu tiên (2006-2009) tập trung tại nhóm ngành ngân hàng với các thương vụ của **nhóm ngân hàng quốc doanh**.
- Làn sóng thứ 2 (2014-2018) tập trung đẩy mạnh hoạt động cổ phần hóa ở các **Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước chủ chốt**.

Cổ phần hóa doanh nghiệp tư nhân (DNTN)

Vinhomes 04/2018	30,753
Techcombank 04/2018	21,005
Vincom Retail 10/2017	16,798
Điện máy Xanh 06/2026	13,280
VPBank Securities 11/2025	12,712
VPS 11/2025	12,138
Techcom Securities (TCBS) 09/2025	10,817
HDBank 12/2017	6,810
VPBank 07/2017	5,680
Chứng khoán LPBank 06/2025	4,256
Vietjet Air 12/2016	3,867
Hạ tầng GELEX 12/2025	2,882
Đất Xanh Services 04/2021	2,289

- Làn sóng cổ phần hóa DNTN thứ 2 (2016–2018) tập trung vào nhóm **ngành bất động sản và ngân hàng**.
- Làn sóng thứ 3 quay trở lại vào năm 2025 và có xu hướng tập trung vào nhóm ngành chứng khoán — **4/8 thương vụ đầu sóng đều > 4,000 tỷ**.

Thoái vốn doanh nghiệp nhà nước

Sabeco → ThaiBev 12/2017	109,972
Bộ Công Thương · Thương vụ thoái vốn lớn nhất	
Vinamilk → F&N 12/2016	11,286
SCIC thoái vốn đợt 1	
Vinamilk → Platinum Victory 11/2017	8,990
SCIC thoái vốn đợt 2	
Vinaconex → An Quý Hưng 11/2018	7,366
SCIC thoái vốn	
Tổng Công ty IDICO 11/2020	2,909
Bộ xây dựng	
Viettronics (VEC) → Geleximco 10/2025	2,562
SCIC thoái vốn	
Nhựa Bình Minh → Nawaplastic 03/2018	2,331
SCIC thoái vốn	
Vinaconex → BĐS Cường Vũ 11/2018	2,002
Viettel thoái vốn	

- Làn sóng thoái vốn DNNN được đẩy mạnh trong giai đoạn 2016-2018. Riêng thương vụ thoái vốn của Sabeco cho ThaiBev đã chiếm tới **47% tổng giá trị thoái vốn từ 2005- nay**.

Đơn vị: tỷ VND và chỉ xét các thương vụ lựa chọn có giá trị tối thiểu từ 1,500 tỷ VND trở lên

Nguồn: HNX, HSX, FiinproX, CTCP Chứng khoán BIDV

Hoạt động IPO, niêm yết, cổ phần hóa trên TTCK - làn sóng thứ 3 đã bắt đầu?



2006 – 2009 Sóng 1 · Khởi đầu	2016– 2018 Sóng 2 · Bùng nổ blue-chip	2019 – 2024 Giai đoạn trầm lắng	2025 – 2027 Sóng 3 · Có xu hướng quay trở lại trong năm 2025
----------------------------------	--	------------------------------------	---

GIAI ĐOẠN	ĐẶC ĐIỂM/YẾU TỐ HỖ TRỢ	DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU	QUY MÔ & NHẬN ĐỊNH
Sóng 1 2006 – 2009 Khởi đầu thị trường	(i) TTCK bước vào xu hướng Uptrend đầu tiên; (ii) cùng với sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập WTO	Vietcombank (10,516 tỷ đồng); TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí (6,997 tỷ đồng); SABECO (5,485 tỷ đồng); Tập đoàn Bảo Việt (4,393 tỷ đồng); PVcomBank (4,172 tỷ đồng); Vietinbank (1,086 tỷ đồng)	71 doanh nghiệp (40,829 tỷ đồng) Đặt nền móng IPO cho các doanh nghiệp đầu ngành và ngân hàng lớn
Sóng 2 2016 – 2018 Bùng nổ blue-chip	(i) Môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi; (ii) Việt Nam được thêm vào watchlist của FTSE; (iii) dòng tiền NĐT tổ chức nước ngoài mua ròng mạnh	Vinhomes (30,753 tỷ đồng); Techcombank (21,005 tỷ đồng); Vincom retail (16,798 tỷ đồng); TCT Điện lực dầu khí Việt Nam (6,996 tỷ đồng); HDBank (6,810 tỷ đồng); VPBank (5,680 tỷ đồng); Lọc hóa dầu Bình sơn (5,566 tỷ đồng); PVOIL (4,177 tỷ đồng); Vietjet Air (3,867 tỷ đồng)	120 doanh nghiệp (117,388 tỷ đồng) Giá trị IPO đạt đỉnh năm 2018 ~ 34% giá trị IPO từ 2007-nay
Trầm lắng 2019 – 2024 Chững lại	(i) Sửa đổi Luật Chứng khoán trong đó điều kiện IPO/niêm yết chặt chẽ hơn, (ii) đại dịch COVID & siết trái phiếu; (iii) các doanh nghiệp tập trung vào hoạt động chuyển sàn	Tập đoàn đất xanh (2,289 tỷ đồng); Chứng khoán DNSE (900 tỷ đồng) Nông nghiệp BAF Việt Nam (560 tỷ đồng); Tôn Đông Á (494 tỷ đồng); Nova consumer (476 tỷ đồng)	37 doanh nghiệp (6,567 tỷ đồng) Dòng tiền IPO suy giảm rõ rệt
Sóng 3 2025 – 2027 Có xu hướng quay trở lại	(i) Sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP rút ngắn thời gian IPO/niêm yết, (ii) Việt Nam được nâng hạng bởi FTSE, đang là “chất xúc tác” thúc đẩy làn sóng IPO quay trở lại (ii) Ban hành Quyết định 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/08/2026 về Tiêu chí phân loại Doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn Nhà nước	Điện máy xanh (13,280 tỷ đồng); Chứng khoán Vpbank (12,712 tỷ đồng) Chứng khoán VPS (12,817 tỷ đồng); Chứng khoán TCBS (10,817 tỷ đồng); Chứng khoán Lbank (4,256 tỷ đồng); Hạ tầng Gelex (2,882 tỷ đồng); Phát triển nông nghiệp hòa phát 1,257 tỷ đồng)	8 doanh nghiệp (57,346 tỷ đồng) IPO năm 2025 diễn ra sôi động tại nhóm ngành chứng khoán

Số đợt đấu giá thành công phân theo SGDCK từ 2005 – Q1/2026

Sàn	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Q2/2026	Tổng
HOSE	34	81	78	29	18	32	11	7	16	45	50	55	32	40	22	15	7	9	1	2	7	-	591
HNX	31	54	48	31	19	27	11	8	25	54	90	49	48	40	37	16	11	9	3	3	17	3	632
Tổng	65	135	126	60	37	59	22	15	41	99	140	104	80	80	59	31	18	18	4	5	24	3	1,223

Giá trị đấu giá thành công phân theo SGDCK từ 2005 – Q1/2026

Sàn	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Q2/2026	Tổng
HOSE	2,702	4,527	36,618	7,364	568	3,628	672	194	826	7,140	4,452	16,938	122,962	17,720	2,002	6,917	1,651	939	2,568	1	3,955	-	244,343
HNX	1,871	7,746	18,531	1,038	1,557	1,331	2,555	136	858	3,966	6,319	6,474	5,046	21,073	3,969	3,042	4,124	5,277	302	424	6,117	1,151	102,905
Tổng	4,573	12,273	55,149	8,402	2,124	4,959	3,227	330	1,684	11,106	10,771	23,412	128,008	38,793	5,971	9,959	5,775	6,216	2,870	425	10,071	1,151	347,248

Lưu ý: Giá trị đấu giá bao gồm cả các đợt phát hành IPO của các Doanh nghiệp Nhà nước có hoạt động trong năm. Đơn vị: tỷ VND

Nguồn: Hose, Hnx, BSC Research

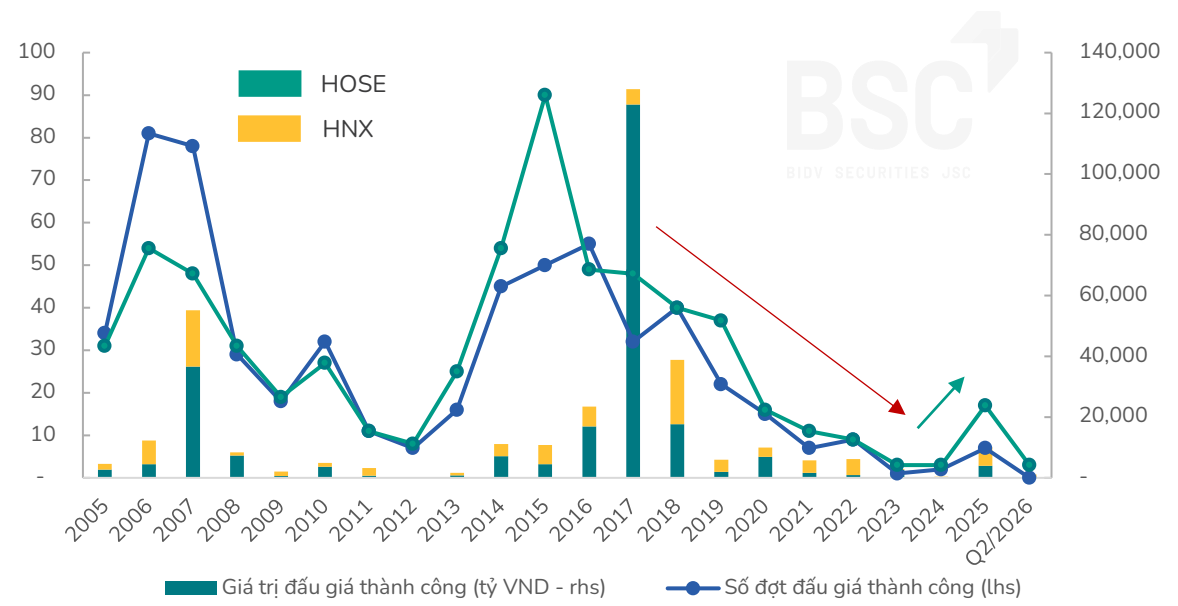
- Hoạt động đấu giá trên TTCK Việt Nam ghi nhận tín hiệu tích cực trong 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ 2006 – 2008 và Giai đoạn 2 khởi động từ 2014 và kéo dài đến 2018 (trùng thời điểm các làn sóng IPO diễn ra trên TTCK Việt Nam).

- Hoạt động đấu giá phần lớn được các DNNN sử dụng ở 03 phương thức: (1) Chào bán cổ phần hóa (IPO); (2) Thoái vốn và (3) Chào bán theo giấy phép UBCKNN. Đấu giá bao gồm: (i) Đấu giá cổ phần doanh nghiệp hoặc (ii) đấu giá quyền mua, trong đó giá trị tập trung chủ yếu ở hoạt động đấu giá cổ phần.

- Giai đoạn 1 (2006 - 2008): số đợt đấu giá thành công cao đột biến vào 2006-2007. Đây cũng là giai đoạn ghi nhận làn sóng cổ phần hóa, thoái vốn, IPO của DNNN diễn ra mạnh mẽ (“tạo hàng hóa” trên TTCK) và cũng là thời điểm Luật Chứng khoán 2006 lần đầu tiên được ban hành – TTCK bước vào chu kỳ tăng giá lần đầu tiên trong lịch sử.

- Giai đoạn 2 (2014 - 2018): Năm 2014 bắt đầu ghi nhận hoạt động đấu giá sôi động trở lại với 98 phiên đấu giá thành công, đến 2015 số phiên đấu giá đạt mức kỷ lục ở 140 phiên. Hoạt động đấu giá sôi động trở lại đến từ Quyết định 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên TTCK của DNNN. 2016 - 2018 ghi nhận số lượng phiên đấu giá giảm so với 2014 - 2015 nhưng giá trị đấu giá thành công lại ghi nhận ở mức cao đột biến với thương vụ thoái vốn lịch sử của Bộ Công Thương tại Sabeco với giá trị 109,972 tỷ VND.

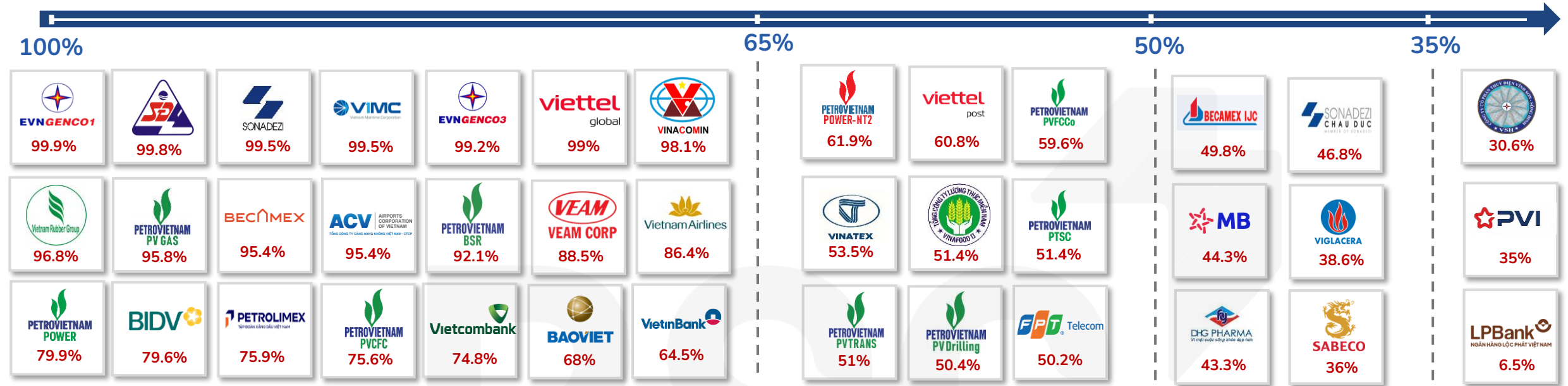
Giá trị và số đợt đấu giá thành công từ 2005 – Q2/2026



Nguồn: Hose, Hnx, BSC Research

Tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại một số doanh nghiệp đáng chú ý trên TTCK Việt Nam

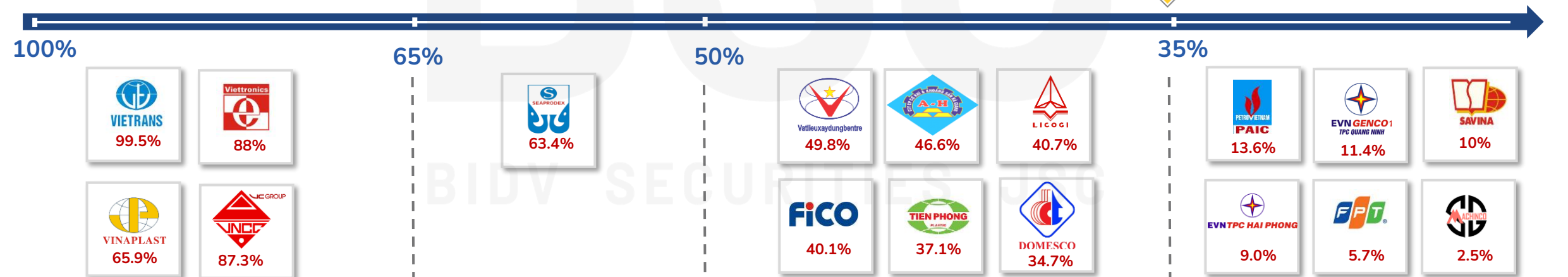
Tỷ lệ sở hữu nhà nước tại các công ty con, công ty liên kết thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty



*Bao gồm các công ty giao dịch trên sàn HSX, HNX, UPCoM có vốn hóa > 5 nghìn tỷ đồng. Dữ liệu cập nhật tại ngày 31/12/2025

Nguồn: BSC Research tổng hợp

Tỷ lệ sở hữu của SCIC tại các công ty con, công ty liên kết trong năm 2025



Dữ liệu cập nhật tại ngày 31/12/2025, bao gồm các doanh nghiệp thuộc sở hữu của các tập đoàn kinh tế và TCT có vốn Nhà nước, chi tiết tham khảo thêm các doanh nghiệp khác tại [Phu lục](#)

Nguồn: SCIC, BSC Research tổng hợp



Một số Doanh nghiệp đáng chú ý trong “làn sóng” cổ phần hóa, thoái vốn sắp tới

Đơn vị chủ quản	Tập đoàn kinh tế Tổng công ty có vốn Nhà nước	Mã CK	Sàn	Ngành cấp 1 (ICB)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỉ lệ sở hữu Nhà Nước	Tỉ lệ sở hữu Nước Ngoài	Tỷ lệ free-float	Link báo cáo tham khảo
Bộ Tài chính*	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	ACV	UPCoM	Công nghiệp	175,935	95.4%	2.4%	4.6%	Link
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	GAS	HOSE	Tiện ích Cộng đồng	174,698	95.8%	2.0%	5.0%	Link
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	HOSE	Nguyên vật liệu	104,800	96.8%	0.4%	4.0%	Link
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	BSR	HOSE	Dầu khí	80,618	92.1%	1.0%	8.0%	Link
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	MVN	UPCoM	Công nghiệp	55,021	99.5%	0.0%	0.5%	Link
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	PLX	HOSE	Dầu khí	44,852	75.9%	14.7%	10.0%	Link
	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	HOSE	Tài chính	42,164	68.0%	26.8%	10.0%	Link
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	POW	HOSE	Tiện ích Cộng đồng	38,962	79.9%	4.9%	25.0%	Link
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	PGV	HOSE	Tiện ích Cộng đồng	21,851	99.2%	0.0%	0.8%	Link
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	PVI	HNX	Tài chính	21,784	35.0%	57.2%	10.0%	Link
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	DNH	UPCoM	Tiện ích Cộng đồng	21,458	99.9%	0.0%	0.1%	Link
	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	KSV	HNX	Nguyên vật liệu	19,760	98.1%	0.0%	1.9%	Link
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	OIL	UPCoM	Dầu khí	11,171	80.5%	0.6%	15.0%	Link
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	PHP	UPCoM	Công nghiệp	10,166	92.6%	0.0%	10.0%	Link
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	HOSE	Ngân hàng	480,451	74.8%	21.2%	11.0%	Link
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	HOSE	Ngân hàng	273,131	79.6%	17.1%	4.0%	Link
Bộ Quốc Phòng	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	VGI	UPCoM	Viễn thông	212,738	99.0%	0.0%	1.0%	Link
Bộ Công Thương		VEA	UPCoM	Công nghiệp	44,771	88.5%	1.8%	15.0%	Link
Bộ Xây Dựng		VGC	HOSE	Công nghiệp	18,763	38.6%	2.5%	12.0%	Link
	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem)	HT1	HOSE	Công nghiệp	6,296	79.7%	3.5%	25.0%	Link
SCIC	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	HVN	HOSE	Dịch vụ Tiêu dùng	77,476	86.4%	8.8%	8.0%	Link
		SAB	HOSE	Hàng Tiêu dùng	62,846	36.0%	58.6%	11.0%	Link
		DHG	HOSE	Dược phẩm và Y tế	13,375	43.3%	53.9%	6.0%	Link
		SJG	UPCoM	Công nghiệp	8,393	99.8%	0.0%	0.2%	Link
		VGT	UPCoM	Hàng Tiêu dùng	6,065	53.5%	14.0%	35.0%	Link
		SEA	UPCoM	Hàng Tiêu dùng	4,943	63.4%	0.0%	25.0%	Link
UBND tỉnh	UBND thành phố Hồ Chí Minh	BCM	HOSE	Tài chính	63,963	95.4%	2.2%	4.0%	Link
	UBND tỉnh Đồng Nai	SNZ	UPCoM	Công nghiệp	11,305	99.5%	0.0%	0.5%	Link

*[Công văn số 1661/VPCP-ĐMDN ngày 28/02/2025](#) của Văn Phòng Chính phủ v/v chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại 18 Tập đoàn, Tổng công ty từ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp về Bộ Tài chính.

Cập nhật thay đổi pháp lý

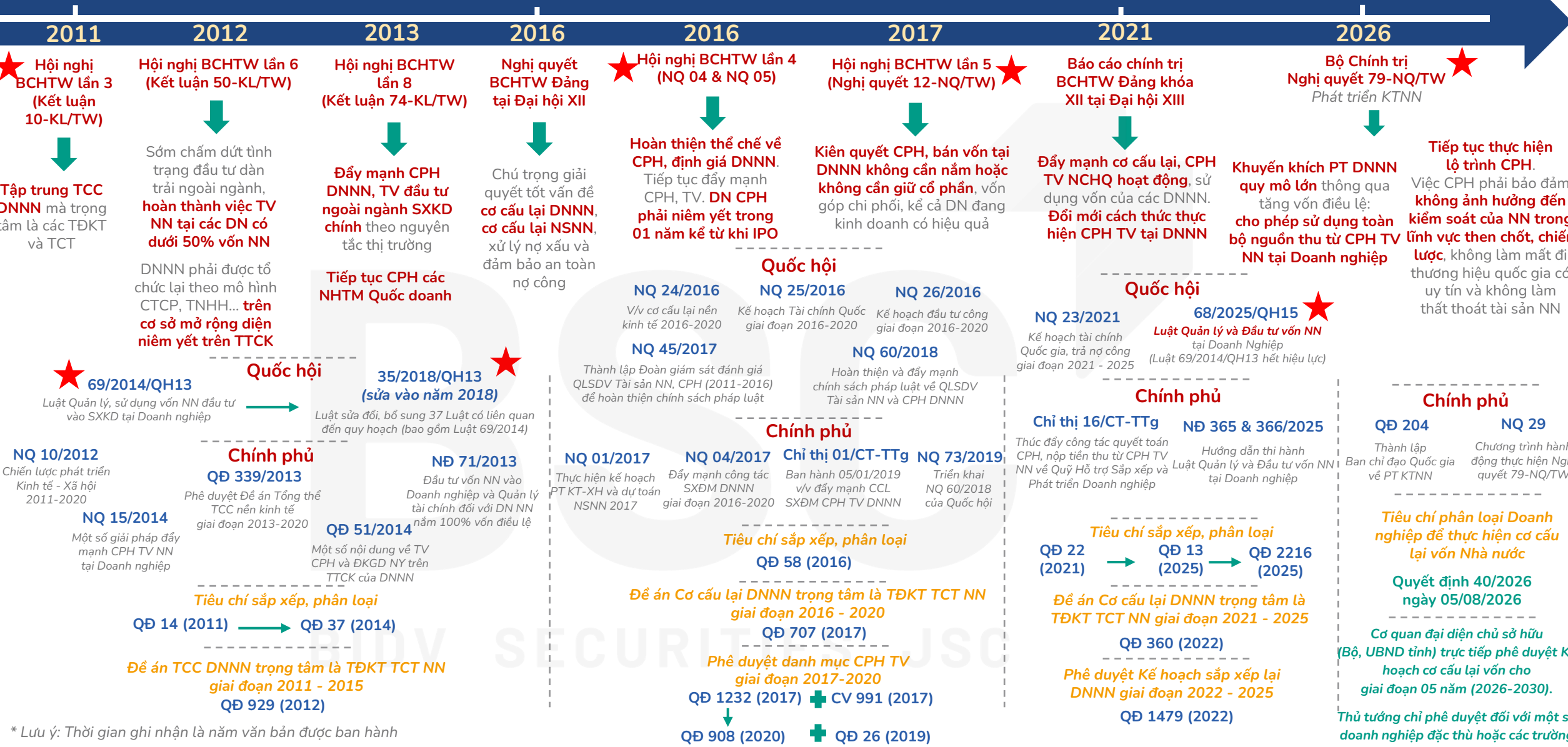
Chuyển đổi tư duy: từ cơ chế “Xin – cho” sang “Tự chủ - Tự chịu trách nhiệm”

Đại hội XI
(2011 – 2015)

Đại hội XII
(2016 – 2020)

Đại hội XIII
(2021 – 2025)

Đại hội XIV
(2026 – 2030)



* Lưu ý: Thời gian ghi nhận là năm văn bản được ban hành

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Giai đoạn 3 (2011 – 2025): Cổ phần hóa nhằm tái cơ cấu DNNN

Quyết định 40/2026: nâng tỷ lệ sở hữu Nhà nước ở 1 số nhóm ngành quan trọng Nguồn: Chính phủ, BSC Research phân tích, tổng hợp								
Ngành / Lĩnh vực	Mô tả / Phạm vi	GD 1 (2001–2005) 02 nhóm	GD 2 (2006–2010) 02 nhóm	GD 3 (2011–2015) 03 → 04 nhóm	GD 4 (2016–2020) 03 nhóm	GD 5 (2021–2025) 03 nhóm	GD 6 (2026–2030) QĐ 40/2026 – 03 nhóm	Ghi chú (đối chiếu QĐ 40/2026)
I. NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ 100% TỔNG SỐ CỔ PHẦN / VỐN ĐIỀU LỆ								
A. Quốc phòng, an ninh		100%	100%	100%	100%	100%	100%	
B. Năng lượng & hạ tầng thiết yếu		100%	100%	100%	100%	100%	100%	
C. Tài chính – tiền tệ đặc thù	GD 6 bổ sung thêm SCIC, DATC, VNX, VSDC	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
D. Thông tin – Truyền thông – Văn hóa		100%	100%	100%	100%	100%	100%	
E. Thủy lợi – Lâm nghiệp – Phòng chống thiên tai		100%	100%	100%	100%	100%	100%	
F. Công nghệ cao & dầu khí		100%	100%	100%	100%	100%	100%	
Công nghệ cao	Ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho nền kinh tế	–	–	–	–	100%	100%	QĐ40: nhóm I – mục 4 & 6 Phụ lục
Dầu khí	Tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí (phần 100%)	–	–	–	–	100%	100%	
II. NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ ≥ 65% TỔNG SỐ CỔ PHẦN / VỐN ĐIỀU LỆ								
A. Hạ tầng giao thông quan trọng								
Hàng không	Quản lý khai thác các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ khai thác khu bay	100%	100%	100%	≥65%	≥65%	≥65%	QĐ40: nhóm II – mục 1 Phụ lục
Hàng không	Dịch vụ thông tin dẫn đường, giám sát, khí tượng hàng không. Trước GD 3 gọi là nhóm "Điều hành bay"	100%	100%	≥75% (QĐ 37/2014)	≥65%	≥65%	≥65%	QĐ40: nhóm II – mục 1 Phụ lục
B. Tài nguyên – Khoáng sản								
Khoáng sản	Khai thác khoáng sản quy mô lớn, quan trọng	> 50%	> 50%	≥75% (QĐ 37/2014)	≥65%	≥65%	≥65%	QĐ40: nhóm II – mục 3 Phụ lục
C. Tài chính – Ngân hàng								
Tài chính – Ngân hàng	Không gồm bảo hiểm, chứng khoán, cty quản lý quỹ, cty tài chính, cty cho thuê tài chính (và Agribank thuộc nhóm 100%). Trước GD 3 gọi là nhóm "Kinh doanh tiền tệ, bảo hiểm"	> 50%	> 50%	65% < ≤ 75% (QĐ 37/2014)	≥65%	≥65%	≥65%	QĐ40: nhóm II – mục 5 Phụ lục
D. An sinh xã hội & lương thực								
Lương thực	Bán buôn lương thực có vai trò đảm bảo cân đối lớn / bình ổn thị trường, nhiệm vụ chính trị	> 50%	> 50%	65% < ≤ 75% (QĐ 37/2014)	50% < < 65%	≥65%	100%	▲ QĐ40 NÂNG lên nhóm 100% (mục 6a Phụ lục). Dự thảo/GD5 là ≥65%
Phim	Sản xuất phim khoa học, thời sự phục vụ tuyên truyền, thông tin đối ngoại, an ninh tư tưởng	100%	> 50%	> 50%	–	100%	100%	QĐ40: nhóm I – mục 6c Phụ lục
Phim	Sản xuất phim hoạt hình phục vụ thiếu nhi do Nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ	100%	> 50%	> 50%	<50%	≥65%	≥65%	QĐ40: nhóm II – mục 4 Phụ lục
III. NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ 50% < < 65% TỔNG SỐ CỔ PHẦN / VỐN ĐIỀU LỆ								
A. Giao thông vận tải								
Hàng không	Vận chuyển hàng không	100%	> 50%	65% < ≤ 75% (QĐ 37/2014)	50% < < 65%	50% < < 65%	≥65%	▲ QĐ40 NÂNG lên ≥65% (nhóm II – mục 1 Phụ lục). Dự thảo là 50% < < 65%
Hàng hải	Vận tải đường biển quốc tế	> 50%	> 50%	> 50%	50% < < 65%	–	–	QĐ40: không thuộc Tiêu chí phân loại → Nhà nước không tiếp tục nắm giữ
B. Xăng dầu & lương thực								
Xăng dầu	Đầu mối nhập khẩu xăng dầu chiếm thị phần từ 30% trở lên. Trước GD 4 có nhóm "Bán buôn xăng dầu"	100%	> 50%	65% < ≤ 75% (QĐ 37/2014)	50% < < 65%	50% < < 65%	50% < < 65%	QĐ40: nhóm III – mục 1 Phụ lục
C. Nông nghiệp – Hóa chất – Vật tư								
Cao su – Cà phê	Trồng và chế biến cao su, cà phê (địa bàn chiến lược, gần QP–AN)	–	> 50%	≥65%	50% < < 65%	50% < < 65%	–	QĐ40: không thuộc Tiêu chí phân loại → Nhà nước không tiếp tục nắm giữ
Thuốc lá	Sản xuất thuốc lá điếu	100%	100%	≥65%	50% < < 65%	50% < < 65%	100%	▲ QĐ40 NÂNG lên nhóm 100% (mục 4 Phụ lục). Dự thảo là 50% < < 65%
Hóa chất	Sản xuất hóa chất cơ bản	–	> 50%	> 50%	50% < < 65%	50% < < 65%	100%	QĐ40 xác nhận 100% (mục 6a Phụ lục)
D. Viễn thông – Truyền thông								
Viễn thông	Hạ tầng mạng có tầm quan trọng đặc biệt, ảnh hưởng đến PT KT–XH, đảm bảo quốc phòng...	> 50%	> 50%	≥75% (QĐ 37/2014)	50% < < 65%	50% < < 65%	50% < < 65%	QĐ40: nhóm III – mục 2 Phụ lục
E. Công ích – An sinh đặc thù								
Miền núi, vùng sâu	Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa	100%	> 50%	≥65%	50% < < 65%	50% < < 65%	≥65%	▲ QĐ40 NÂNG lên ≥65% (nhóm II – mục 7 Phụ lục). Dự thảo là 50% < < 65%
Nước sạch	Khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị	> 50% hoặc 100% tùy quy mô vốn	> 50%	50% < < 65%	<50%	50% < < 65%	≥65%	QĐ40 xác nhận ≥65% (nhóm II – mục 7 Phụ lục)
Thoát nước đô thị	Thoát nước đô thị	–	–	50% < < 65%	50% < < 65%	50% < < 65%	≥65%	QĐ40 xác nhận ≥65% (nhóm II – mục 7 Phụ lục)



67 Công ty

Không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông
(Tỷ lệ Free-float thấp)



53 Công ty

Không đáp ứng điều kiện về
Vốn điều lệ tối thiểu



41 Công ty

Chưa thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch
(NY/ĐKGD)

Theo UBCKNN trên thị trường có khoảng **789 công ty đại chúng** có nguồn gốc từ doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có không ít các doanh nghiệp đang không đáp ứng điều kiện “Công ty đại chúng”. UBCKNN đưa ra **02 nhóm giải pháp để giải quyết vấn đề tỷ lệ free-float quá thấp do nhiều doanh nghiệp có cổ đông lớn hoặc Nhà nước nắm giữ tới 90-99% vốn điều lệ. cụ thể:**

1. Cổ đông lớn, đặc biệt là cổ đông Nhà nước, thực hiện chuyển nhượng bớt phần vốn sở hữu thông qua đấu giá công khai hoặc giao dịch trên sàn chứng khoán.
2. Doanh nghiệp có thể phát hành thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn và pha loãng tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn hiện hữu.

Nguồn: UBCKNN, BSC Research

Khắc phục điều kiện Vốn

- ✓ Thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng để bổ sung nguồn vốn.
- ✓ Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để cải thiện năng lực tài chính.
- ✓ Nâng cao vốn chủ sở hữu để đáp ứng tư cách công ty đại chúng theo quy định.

Khắc phục Cơ cấu cổ đông

- ✓ **Thoái vốn:** Cổ đông lớn/Nhà nước bán bớt cổ phần qua đấu giá hoặc khớp lệnh trên sàn.
- ✓ **Pha loãng:** Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư mới (Riêng lẻ) hoặc phát hành ESOP.
- ✓ **Gia tăng thanh khoản:** Tăng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng để hấp dẫn nhà đầu tư.

Một số điểm đáng chú ý từ thông báo từ Kết luận số 68-TB/ĐUBTC ngày 26/05/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính: (1) Cục Phát triển Doanh nghiệp Nhà nước chủ trì soạn thảo công văn **báo cáo Thủ tướng về việc KHÔNG xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển Kinh tế Nhà nước** và các nguyên tắc sắp xếp Doanh nghiệp Nhà nước để xin ý kiến Thủ tướng trước khi triển khai thực hiện. (2) Nguyên tắc tái cấu trúc và phân loại 857 Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc 45 cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ sắp xếp theo nguyên tắc: (i) trừ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh, độc quyền tự nhiên... (ii) xác định các doanh nghiệp quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt; (iii) các doanh nghiệp có cùng ngành nghề với **doanh nghiệp có vai trò định hướng dẫn dắt (quả đấm thép)** mà hiện đang ở các Bộ, ngành, địa phương sẽ nghiên cứu đưa về doanh nghiệp tiên phong dẫn dắt; (iv) số doanh nghiệp còn lại sẽ nghiên cứu để chuyển giao về SCIC – phù hợp với Đề án cơ cấu lại toàn diện SCIC – tiến tới hình thành Quỹ Đầu tư quốc gia.

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Bùi Nguyên Khoa PGĐ Trung tâm Phân tích – Nghiên cứu Vĩ mô – Thị trường Khoabn@bsc.com.vn	Phan Quốc Bửu PGĐ Trung tâm Phân tích – Nghiên cứu Ngành – Doanh nghiệp Buupq@bsc.com.vn
--	--

Nhóm Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh Chuyên viên phân tích Anhvv@bsc.com.vn	Trần Thanh Tùng Chuyên viên phân tích Tungtt1@bsc.com.vn	Phạm Thanh Thảo Chuyên viên phân tích Thaopt1@bsc.com.vn	Nguyễn Giang Anh Chuyên viên phân tích Anhng@bsc.com.vn	Lưu Diễm Ngọc Chuyên viên phân tích Ngocld@bsc.com.vn
---	---	---	--	---

BSC Trụ sở chính

Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower,
Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: (008424) 3935 2722
Fax: (008424) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu hn.ptnc@bsc.com.vn	Đối với Khách hàng tổ chức hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
---	---

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place,
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (008424) 3821 8885
Fax: (008424) 3821 8879

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Phía Nam: (024) 39264 660
Phía Bắc: (028) 38218 889

PHỤ LỤC





A. Báo cáo đánh giá của BSC Research liên quan đến chủ đề nâng hạng TTCK

1. Báo cáo nâng hạng TTCK Việt Nam (T03/2024): [Link](#)
2. Báo cáo về thực tế áp dụng “Day-trading” tại một số quốc gia châu Á (T06/2024): [Link](#)
3. Báo cáo đặc biệt về “Nâng cấp hạ tầng công nghệ TTCK Việt Nam” (T03/2025): [Link](#)
4. Báo cáo đặc biệt - “Việt Nam – Đường đến Emerging Market”: [Kỳ 1 \(T03/2025\)](#); [Kỳ 2 \(T06/2025\)](#); [Kỳ 3 \(T10/2025\)](#); [Kỳ 4 \(T04/2026\)](#)

B. Báo cáo đặc biệt của BSC Research liên quan đến các chủ đề đáng chú ý khác

1. Biến động giá dầu trong các cuộc khủng hoảng (T03/2022): [Link](#)
2. Báo cáo Trung Quốc mở cửa (T12/2022): [Link](#)
3. Đầu tư công: [Kỳ 1 \(T12/2020\)](#); [Kỳ 2 \(T09/2021\)](#); [Kỳ 3 \(T02/2022\)](#); [Kỳ 4 \(T02/2023\)](#); [Kỳ 5 \(2024\)](#)
4. Hoạt động hút ròng Tín phiếu của NHNN và TTCK Việt Nam: [Kỳ 1 \(T09/2023\)](#) – [Link](#); [Kỳ 2 \(T03/2024\)](#) – [Link](#)
5. Tác động của tỷ giá đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong 1H2024: [Link](#)
6. Áp thuế chống bán phá giá thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc (T07/2024): [Link](#)
7. Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đến Việt Nam (T04/2025): [Link](#)
8. “Market Waves” - Làn sóng IPO và các thương vụ đáng chú ý trên TTCK Việt Nam: [Kỳ 1 \(T12/2025\)](#), [Kỳ 2 \(T01/2026\)](#)
9. Báo cáo chuyên đề: Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran: [Link](#)
10. “Market Waves” – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước: [Kỳ 3 \(T05/2026\)](#)

C. Báo cáo Vĩ mô khác & nhóm Ngành, Doanh nghiệp

1. Báo cáo Vĩ mô thị trường 2026: Đường dài mới biết ngựa hay: [Link](#); Cập nhật dự báo trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông: [Link](#)
2. Báo cáo Chiến lược 2026F: Kỷ nguyên tăng trưởng mới – Sóng lớn hóa Rồng: [T12/2025](#); cập nhật [T03/2026](#)

Bộ /UBND	Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty có vốn Nhà nước	Tên Công ty con/Công ty liên kết	Mã CK	Sàn	Ngành cấp 1 (ICB)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu Nhà Nước	Tỷ lệ sở hữu Nước Ngoài	Tỷ lệ free-float
Bộ Tài chính	Cảng Hàng không VN		ACV	UPCoM	Công nghiệp	175,935	95.4%	2.4%	4.6%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	GAS	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	174,698	95.8%	2.0%	5.0%
	Tập đoàn CN Cao su VN		GVR	HOSE	Nguyên vật liệu	104,800	96.8%	0.4%	4.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	BSR	HOSE	Đầu khí	80,618	92.1%	1.0%	8.0%
	TCT Hàng hải Việt Nam		MVN	UPCoM	Công nghiệp	55,021	99.5%	0.0%	0.5%
	Petrolimex		PLX	HOSE	Đầu khí	44,852	75.9%	14.7%	10.0%
	Tập đoàn Bảo Việt		BVH	HOSE	Tài chính	42,164	68.0%	26.8%	10.0%
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	38,962	79.9%	4.9%	25.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	HOSE	Nguyên vật liệu	26,015	0.0%	6.3%	60.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP	PGV	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	21,851	99.2%	0.0%	0.8%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty Cổ phần PVI	PVI	HNX	Tài chính	21,784	35.0%	57.2%	10.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	DNH	UPCoM	Tiền ích Cộng đồng	21,458	99.9%	0.0%	0.1%
	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Khoáng sản TKV	KSV	HNX	Nguyên vật liệu	19,760	98.1%	0.0%	1.9%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	HNX	Đầu khí	17,542	51.4%	14.0%	50.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	HOSE	Nguyên vật liệu	17,311	75.6%	3.7%	25.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (drill)	PVD	HOSE	Đầu khí	15,759	50.4%	10.6%	50.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	DPM	HOSE	Nguyên vật liệu	15,128	59.6%	3.6%	40.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty cổ phần Dầu tư Sài Gòn VRG	SIP	HOSE	Tài chính	12,735	0.7%	3.1%	40.0%
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG bank)	PGB	UPCoM	Ngân hàng	12,390	0.0%	0.0%	70.0%
	Vinafood 2		VSF	UPCoM	Hàng Tiêu dùng	12,283	51.4%	0.0%	25.0%
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	PV Oil	OIL	UPCoM	Đầu khí	11,171	80.5%	0.6%	15.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	VSH	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	10,513	30.6%	1.2%	20.0%
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	PHP	UPCoM	Công nghiệp	10,166	92.6%	0.0%	10.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Xây lắp Điện lực 1	PC1	HOSE	Công nghiệp	9,274	0.0%	12.5%	65.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	HOSE	Công nghiệp	8,647	51.0%	9.8%	45.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Vinacomin Power	DTK	HNX	Tiền ích Cộng đồng	8,193	99.3%	0.0%	0.7%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	PHR	HOSE	Nguyên vật liệu	7,927	66.6%	14.0%	35.0%
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Điện lực Nhơn Trạch 2	NT2	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	7,010	61.9%	11.8%	30.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An	PAP	UPCoM	Công nghiệp	6,032	15.1%	0.0%	25.0%
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	SGP	UPCoM	Công nghiệp	5,610	74.5%	0.6%	10.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	QTP	UPCoM	Tiền ích Cộng đồng	5,576	80.4%	1.0%	20.0%
	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	SCS	HOSE	Dịch vụ Tiêu dùng	4,877	13.6%	9.9%	45.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Thủy điện Miền Trung	CHP	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	4,667	45.4%	1.7%	30.0%
	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)	CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	SAS	UPCoM	Dịch vụ Tiêu dùng	4,179	49.1%	0.7%	15.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty cổ phần DAP - VINACHEM	DDV	UPCoM	Nguyên vật liệu	3,797	64.0%	2.8%	40.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	CTCP DAP số 2 - Vinachem	DDV	UPCoM	Nguyên vật liệu	3,797	64.0%	2.8%	40.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	NTC	HOSE	Tài chính	3,754	53.3%	0.1%	30.0%
	Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	PET	HOSE	Dịch vụ Tiêu dùng	3,725	0.0%	0.8%	55.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Tổng CTCP Thiết bị Điện Đông Anh	TBD	UPCoM	Công nghiệp	3,702	40.4%	4.5%	10.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Thủy điện Miền Nam	SHP	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	3,446	48.9%	0.1%	25.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	DPH	HOSE	Nguyên vật liệu	3,302	55.2%	3.7%	45.0%
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	CDN	HNX	Công nghiệp	3,257	75.0%	20.5%	4.7%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	CSV	HOSE	Nguyên vật liệu	3,017	65.0%	0.7%	35.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	VPD	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	2,745	50.5%	31.1%	25.0%
	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	Công ty Cổ phần Dầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	DVP	HOSE	Công nghiệp	2,696	51.0%	10.7%	30.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty cổ phần Cao su Tân Biên	RTB	UPCoM	Nguyên vật liệu	2,550	98.5%	0.0%	1.5%
	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba)	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI HẠ	HHC	HNX	Hàng Tiêu dùng	2,459	0.0%	0.2%	35.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	BFC	HOSE	Nguyên vật liệu	2,441	65.0%	0.9%	35.0%
	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA)	Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	NCT	HOSE	Công nghiệp	2,347	65.1%	14.8%	35.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	TV2	HOSE	Công nghiệp	2,326	51.3%	7.3%	45.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	TRC	HOSE	Nguyên vật liệu	2,310	60.0%	1.8%	35.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	DRC	HOSE	Hàng Tiêu dùng	2,286	50.5%	3.5%	50.0%
	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	CTCP Thủy điện Thác Bà	TBC	HOSE	Tiền ích Cộng đồng	2,235	30.0%	0.8%	10.0%
	Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	LIX	HOSE	Hàng Tiêu dùng	2,223	51.0%	2.8%	35.0%
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	PGI	HOSE	Tài chính	2,218	41.0%	20.4%	35.0%
	Tập đoàn Bảo Việt	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	BVS	HNX	Tài chính	2,101	59.9%	1.4%	40.0%
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	BRR	UPCoM	Nguyên vật liệu	2,019	97.5%	0.0%	2.5%

Bộ /UBND	Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty có vốn Nhà nước	Tên Công ty con/Công ty liên kết	Mã CK	Sàn	Ngành cấp 1 (ICB)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ sở hữu Nhà Nước	Tỷ lệ sở hữu Nước Ngoài	Tỷ lệ free-float
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		VCB	HOSE	Ngân hàng	480,451	74.8%	21.2%	11.0%
	Ngân hàng TMCP Công Thương VN (Vietinbank)		CTG	HOSE	Ngân hàng	277,668	64.5%	25.7%	15.0%
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)		BID	HOSE	Ngân hàng	273,131	79.6%	17.1%	4.0%
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)	BSI	HOSE	Tài chính	9,226	52.0%	35.8%	14.0%
	Ngân hàng TMCP Công Thương VN (Vietinbank)	Công ty Cổ phần Chứng khoán - VietinBank	CTS	HOSE	Tài chính	7,051	75.6%	0.5%	25.0%
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	BIC	HOSE	Tài chính	4,607	51.0%	41.7%	15.0%
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank)	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco)	AGR	HOSE	Tài chính	3,676	74.9%	0.3%	30.0%
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank)	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	ABI	UPCoM	Tài chính	2,066	52.1%	12.3%	35.0%
Bộ Công Thương	Máy động lực và Máy NN		VEA	UPCoM	Công nghiệp	44,771	88.5%	1.8%	15.0%
	Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		BHN	HOSE	Hàng Tiêu dùng	7,232	81.8%	17.6%	0.9%
	Thép Việt Nam		TVN	UPCoM	Nguyên vật liệu	5,026	93.9%	0.1%	10.0%
Bộ Công An	Tập đoàn FPT	FPT Telecom	FOX	UPCoM	Viễn thông	47,238	50.2%	0.0%	4.2%
Bộ Quốc phòng	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global)	VGI	UPCoM	Viễn thông	212,738	99.0%	0.0%	1.0%
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	MBB	HOSE	Ngân hàng	203,791	44.3%	21.3%	50.0%
	Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	MBS	HNX	Tài chính	17,126	0.0%	3.0%	30.0%
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	HOSE	Công nghiệp	14,610	0.0%	4.4%	55.0%
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel (Viettel Post)	VTP	HOSE	Công nghiệp	12,032	60.8%	4.6%	40.0%
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Tổng Công ty CP Công trình Viettel (Viettel Construction)	CTR	HOSE	Công nghiệp	9,757	65.7%	5.0%	35.0%
	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	TOS	UPCoM	Dầu khí	6,597	36.0%	0.0%	50.0%
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	SBH	UPCoM	Tiện ích Cộng đồng	4,994	69.0%	0.0%	10.0%
Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngân hàng TMCP Quân đội	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	MIG	HOSE	Tài chính	3,754	67.7%	16.1%	35.0%
	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	HOSE	Ngân hàng	124,868	6.5%	0.9%	95.0%
Bộ Xây Dựng	Tổng Công ty Viglacera		VGC	HOSE	Công nghiệp	18,763	38.6%	2.5%	12.0%
	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem)	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên	HT1	HOSE	Công nghiệp	6,296	79.7%	3.5%	25.0%
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP		HVN	HOSE	Dịch vụ Tiêu dùng	77,476	86.4%	8.8%	8.0%
	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn		SAB	HOSE	Hàng Tiêu dùng	62,846	36.0%	58.6%	11.0%
	Dược Hậu Giang		DHG	HOSE	Dược phẩm và Y tế	13,375	43.3%	53.9%	6.0%
	Tổng Công ty Sóng Đà		SIG	UPCoM	Công nghiệp	8,393	99.8%	0.0%	0.2%
	Tập đoàn Dệt may Việt Nam		VGJ	UPCoM	Hàng Tiêu dùng	6,065	53.5%	14.0%	35.0%
	Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam		SEA	UPCoM	Hàng Tiêu dùng	4,943	63.4%	0.0%	25.0%
	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh	BMS	UPCoM	Tài chính	2,587	0.0%	0.0%	40.0%
UBND tỉnh Đồng Nai	Tổng công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp SONADEZI		SNZ	UPCoM	Công nghiệp	11,305	99.5%	0.0%	0.5%
	Tổng công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp SONADEZI	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	PDN	HOSE	Công nghiệp	6,496	51.0%	0.2%	14.0%
	Tổng công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp SONADEZI	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	HOSE	Tài chính	5,247	46.8%	2.5%	45.0%
	Tổng công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp SONADEZI	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	DNW	UPCoM	Tiện ích Cộng đồng	4,080	64.0%	0.1%	10.0%
UBND thành phố Hồ Chí Minh	Tổng công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp SONADEZI	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	SZG	UPCoM	Tài chính	2,031	46.5%	0.0%	25.0%
	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	SHB	HOSE	Ngân hàng	75,107	0.8%	4.0%	70.0%
	Becamex Group		BCM	HOSE	Tài chính	63,963	95.4%	2.2%	4.0%
	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	KDC	HOSE	Hàng Tiêu dùng	15,070	0.0%	16.4%	30.0%
	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty Cổ phần Transimex	TMS	HOSE	Công nghiệp	6,943	3.1%	42.6%	7.0%
	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	IJC	HOSE	Tài chính	6,768	49.8%	5.2%	55.0%
	Becamex Group	Becamex IJC	IJC	HOSE	Tài chính	6,768	49.8%	5.2%	55.0%
UBND thành phố Hà Nội	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	SGB	UPCoM	Ngân hàng	4,459	18.2%	10.0%	35.0%
	Tổng công ty Du lịch Hà Nội	CTCP Du lịch dịch vụ Hà Nội	TSJ	UPCoM	Dịch vụ Tiêu dùng	2,772	45.2%	0.0%	30.0%



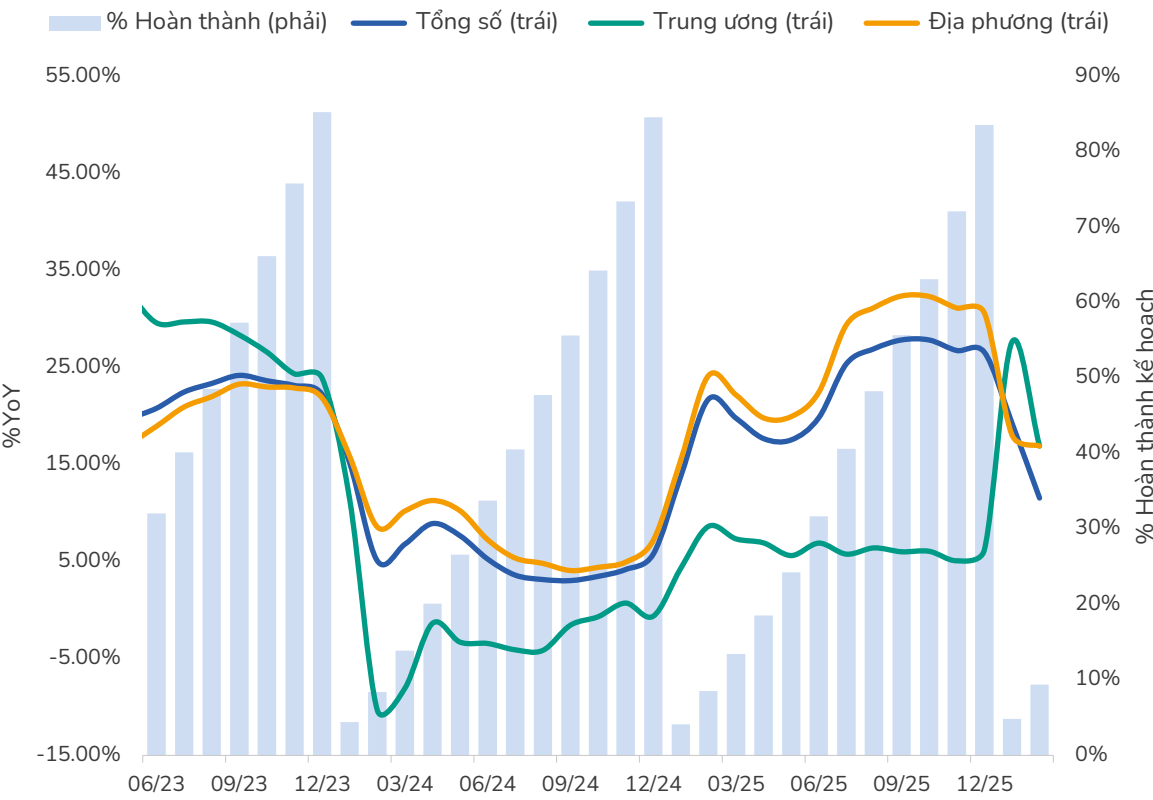
Top 15 Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% có vốn hóa trên 1,000 tỷ VND và đang sở hữu cổ phiếu quỹ

STT	Mã	Tên công ty	Sàn	Vốn hóa ngày 03/06/2026 (tỷ VND)	SLCP lưu hành	Tỷ lệ Nhà nước sở hữu (%)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	Tỷ lệ free- float (%)	Số lượng cổ phiếu quỹ	Tỷ lệ cổ phiếu quỹ so với SLCP lưu hành (%)	Ghi chú
1	ACV	Cảng Hàng không VN	UPCoM	156,107	3,582,324,023	95.41%	1.77%	4.60%	685,785	0.02%	
2	PLX	Petrolimex	HOSE	49,744	1,270,592,235	75.87%	13.99%	10.00%	23,285,846	1.83%	Ngày 03/06 công bố bán CP quỹ
3	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	HOSE	17,100	679,925,021	59.59%	4.78%	40.00%	229,682	0.03%	
4	PVD	Khoan Dầu khí PVDDrilling	HOSE	16,676	555,880,006	50.42%	8.45%	50.00%	2,094,856	0.38%	
5	SNZ	SONADEZI	UPCoM	10,943	376,491,800	99.54%	0.00%	0.46%	9,010	0.00%	
6	SEA	SEAPRODEX	UPCoM	5,737	124,990,500	63.38%	0.00%	25.00%	9,595	0.01%	
7	AGR	Agriseco	HOSE	3,265	228,311,776	74.93%	0.39%	30.00%	63	0.00%	
8	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	3,126	320,613,054	51.02%	4.47%	30.00%	8,738,837	2.73%	
9	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	HOSE	2,384	26,165,732	65.07%	13.03%	35.00%	1,208	0.00%	
10	PGD	PV GAS D	HOSE	2,376	98,997,311	50.50%	46.42%	3.50%	955	0.00%	
11	BVS	Chứng khoán Bảo Việt	HNX	1,848	72,200,145	59.92%	1.23%	40.00%	49,668	0.07%	
12	PLC	Hóa dầu Petrolimex	HNX	1,713	80,797,566	79.07%	0.27%	25.00%	1,273	0.00%	
13	MTA	Khoáng sản và TM Hà Tĩnh	UPCoM	1,384	110,113,591	97.37%	0.01%	2.63%	4,073	0.00%	
14	SZL	Sonadezi Long Thành	HOSE	1,376	27,902,540	58.58%	16.25%	35.00%	2,169,311	7.77%	
15	HWS	Cấp nước Huế	UPCoM	1,319	87,383,000	70.01%	1.07%	25.00%	217,000	0.25%	Nguồn: Fiinpro, BSC Research

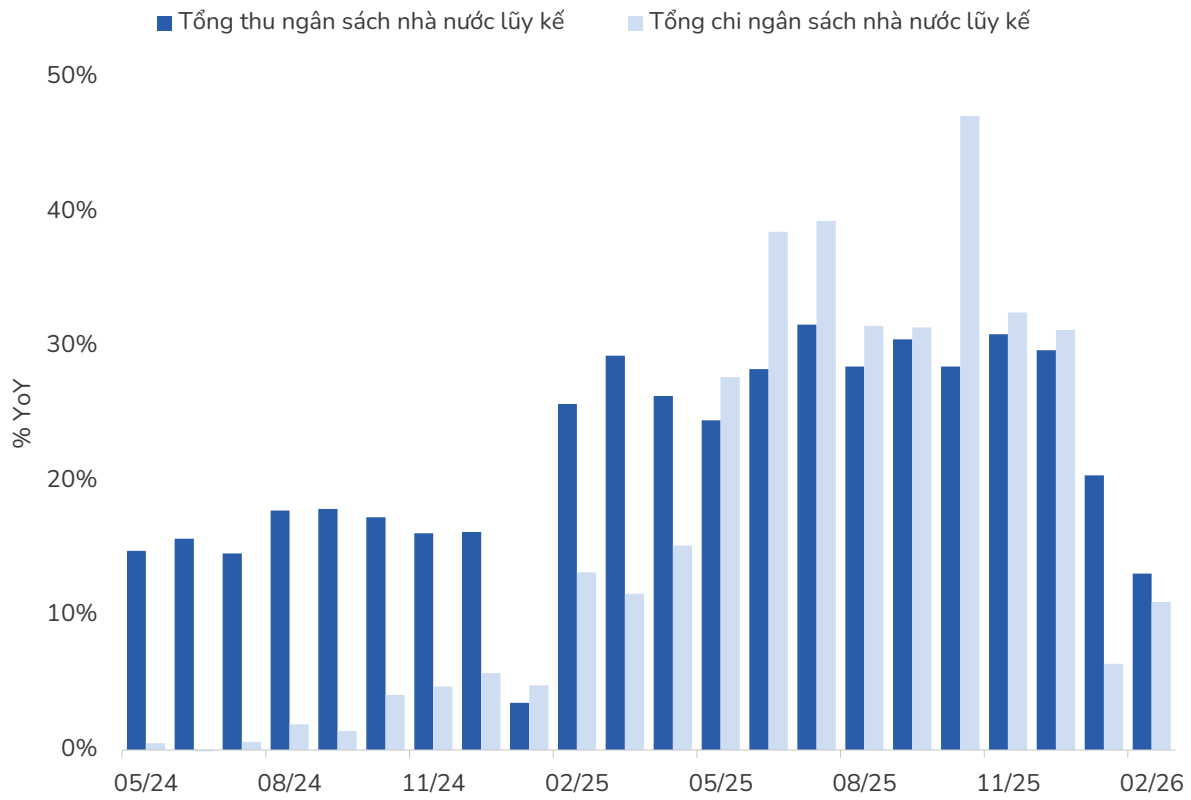
Top 15 Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn và có tỷ lệ cổ phiếu quỹ/SLCP lưu hành cao nhất

STT	Mã	Tên công ty	Sàn	Vốn hóa ngày 03/06/2026 (tỷ VND)	SLCP lưu hành	Tỷ lệ Nhà nước sở hữu (%)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	Tỷ lệ free- float (%)	Số lượng cổ phiếu quỹ	Tỷ lệ cổ phiếu quỹ so với SLCP lưu hành (%)	Ghi chú
1	ACV	Cảng Hàng không VN	UPCoM	156,107	3,582,324,023	95.41%	1.77%	4.60%	685,785	0.02%	
2	PIT	XNK PETROLIMEX	HOSE	106	14,210,225	52.67%	0.50%	15.00%	1,242,573	8.74%	
3	THS	Thanh Hoa Sông Đà	HNX	25	2,700,000	50.81%	0.05%	10.00%	216,202	8.01%	
4	SZL	Sonadezi Long Thành	HOSE	1,376	27,902,540	58.58%	16.25%	35.00%	2,169,311	7.77%	
5	HOM	Xi măng VICEM Hoàng Mai	HNX	288	71,997,731	71.07%	1.42%	30.00%	2,819,946	3.92%	
6	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	3,126	320,613,054	51.02%	4.47%	30.00%	8,738,837	2.73%	
7	PLX	Petrolimex	HOSE	49,744	1,270,592,235	75.87%	13.99%	10.00%	23,285,846	1.83%	Ngày 03/06 công bố bán CP quỹ
8	TTC	Gạch men Thanh Thanh	HNX	53	5,940,528	51.00%	4.58%	35.00%	65,210	1.10%	
9	UDC	Đầu tư Xây dựng UDCons	UPCoM	100	34,706,000	67.69%	10.97%	30.00%	168,641	0.49%	
10	D2D	Phát triển Đô thị số 2	HOSE	985	30,259,742	57.86%	3.36%	45.00%	140,767	0.47%	
11	SCD	Giải khát Chương Dương	UPCoM	102	8,477,640	61.90%	5.91%	25.00%	34,728	0.41%	
12	TV4	Tư vấn XD Điện 4	HNX	257	19,781,493	71.65%	0.61%	30.00%	74,585	0.38%	
13	PVD	Khoan Dầu khí PVDDrilling	HOSE	16,676	555,880,006	50.42%	8.45%	50.00%	2,094,856	0.38%	
14	VLG	VIMC Logistics	UPCoM	113	14,162,130	56.72%	0.38%	45.00%	50,000	0.35%	
15	CDP	Dược phẩm TW Codupha	UPCoM	231	18,208,800	66.35%	0.00%	15.00%	58,620	0.32%	Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giải ngân đầu tư công

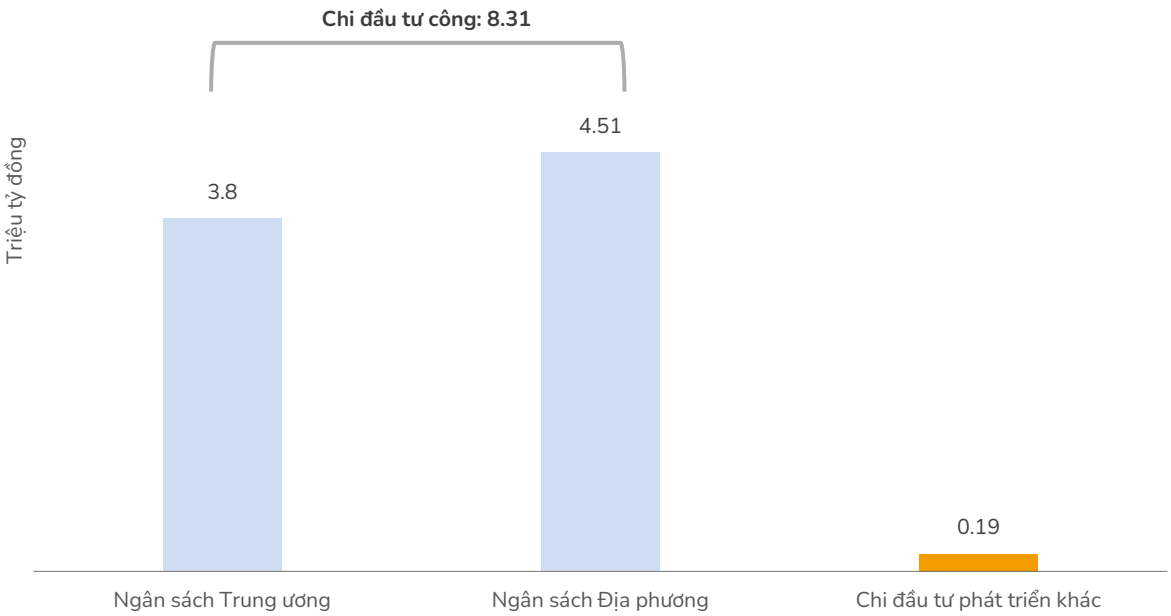


Thu và Chi ngân sách nhà nước



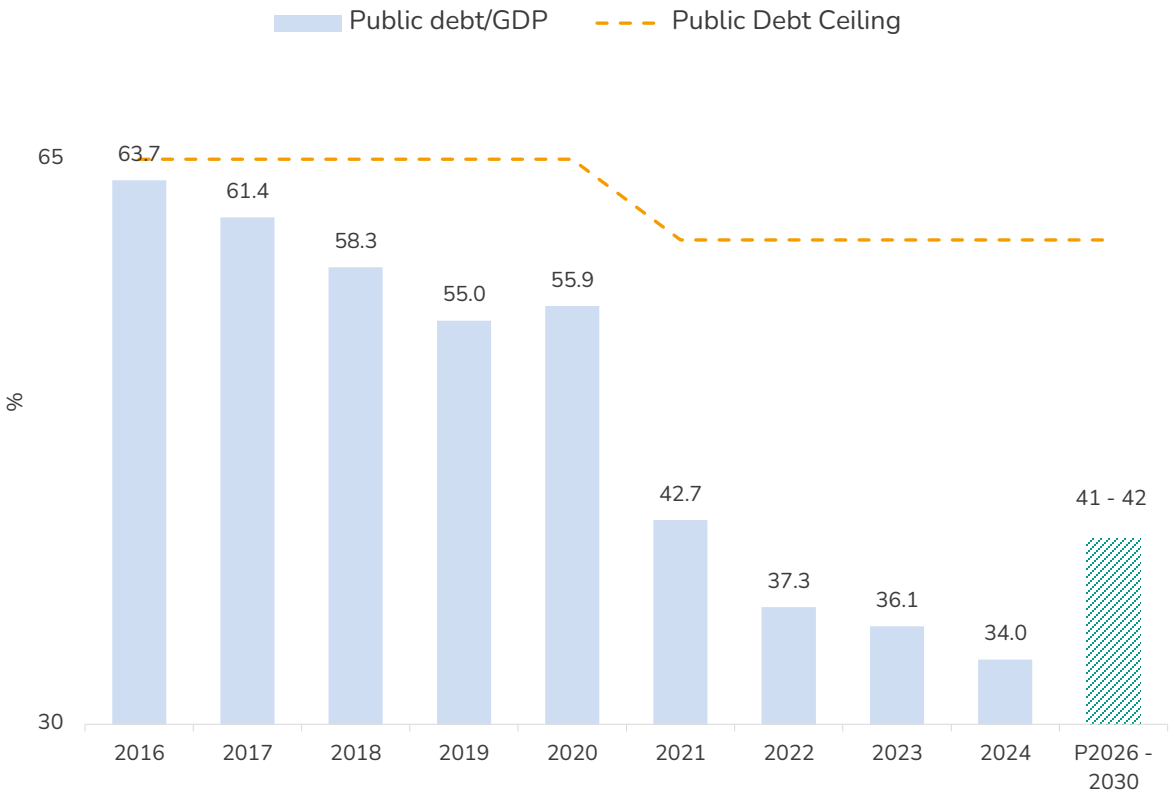
- Dựa trên kế hoạch Dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026: **Tổng chi ngân sách nhà nước** (~3.16 triệu tỷ đồng) ; **Chi đầu tư phát triển**(~1.12 triệu tỷ đồng).

Giải ngân vốn đầu tư công



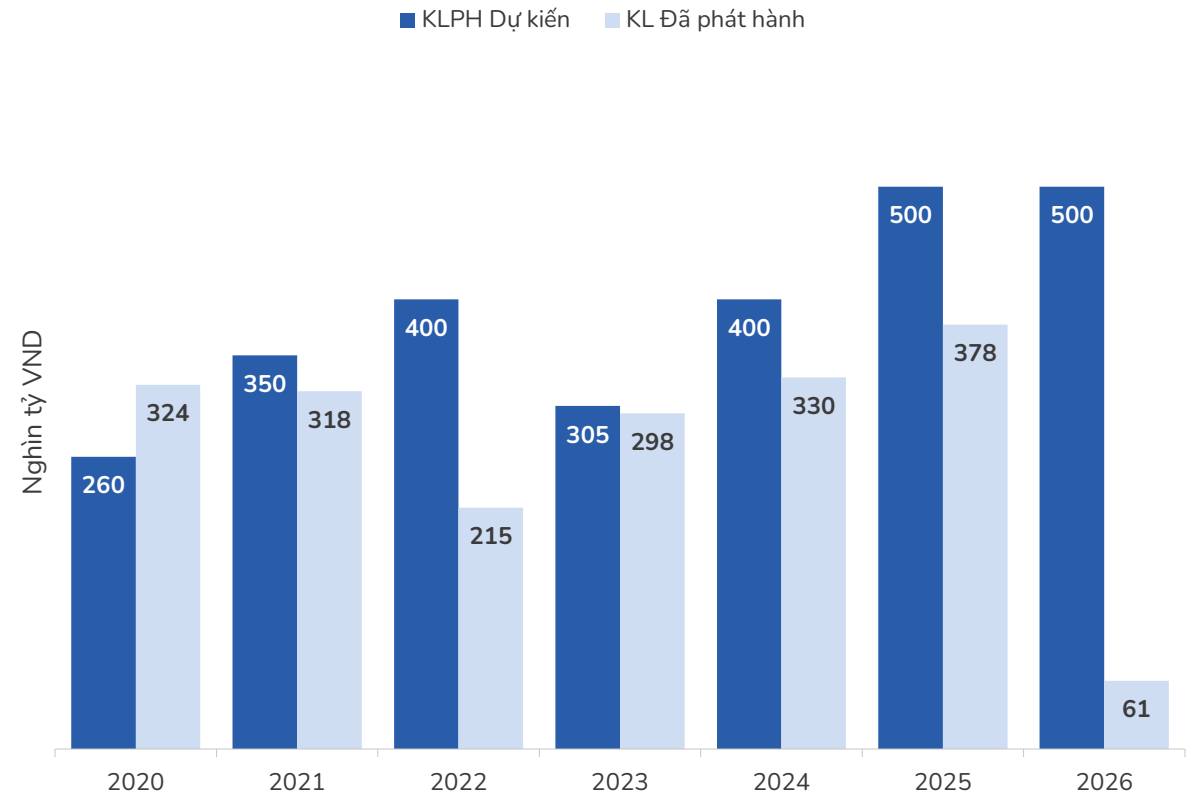
- Về kế hoạch 5 năm dự kiến giai đoạn 2026 - 2030, Chính phủ ước tính **thu ngân sách nhà nước** đạt khoảng 16.1 triệu tỷ đồng, cao gấp khoảng 1.7 lần so với giai đoạn 2021 - 2025. Tỷ lệ huy động thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 18% GDP.
- Bội chi ngân sách nhà nước** trong giai đoạn tới sẽ vào khoảng 5% GDP, cao gấp khoảng 3 lần so với giai đoạn 2021 - 2025 tính theo giá trị tuyệt đối, với dự toán hàng năm phù hợp với khả năng huy động vốn và giải ngân đầu tư công.

Nợ công Việt Nam

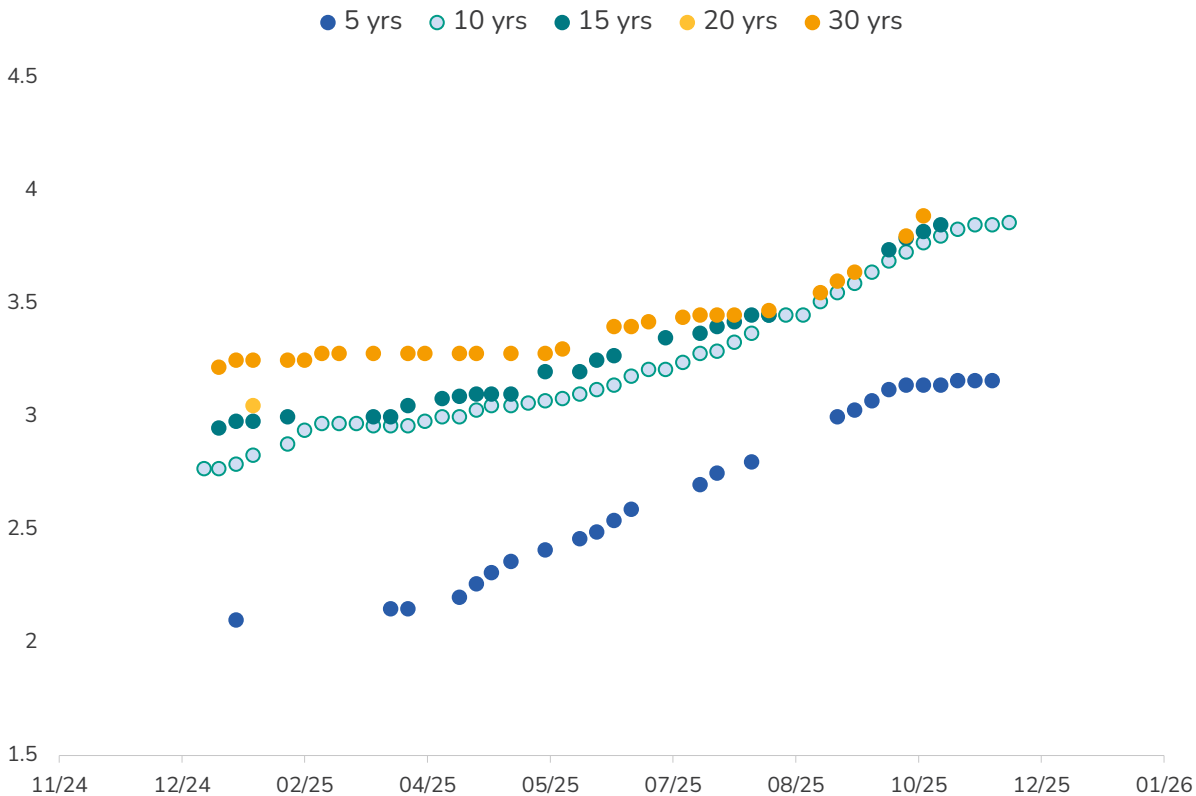


- Trong giai đoạn 2026 - 2030, Chính phủ dự kiến huy động khoảng 6,550 nghìn tỷ đồng, chủ yếu tập trung vào **các khoản vay trong nước**. Nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ vào khoảng 3,530 nghìn tỷ đồng.
- Dư nợ được Chính phủ bảo lãnh vào cuối năm 2030 khoảng 390 nghìn tỷ đồng, tương đương 2-3% GDP. Tổng mức vay của chính quyền địa phương khoảng 621.1 nghìn tỷ đồng; dư nợ vào cuối năm 2030 khoảng 3-4% GDP.

Trái phiếu Chính phủ



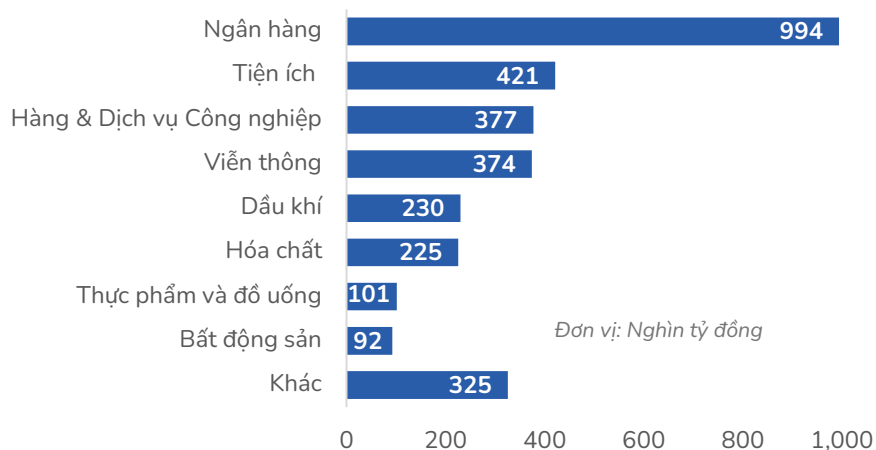
Lợi suất trái phiếu Chính phủ trên thị trường sơ cấp



- Kế hoạch đấu thầu TPCP cho năm 2026 là 500,000 tỷ đồng và Q1 năm 2026 là 110,000 tỷ đồng.
- Lợi suất trái phiếu nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, chủ yếu do áp lực huy động vốn tăng cao cho các nỗ lực đẩy mạnh giải ngân đầu tư công

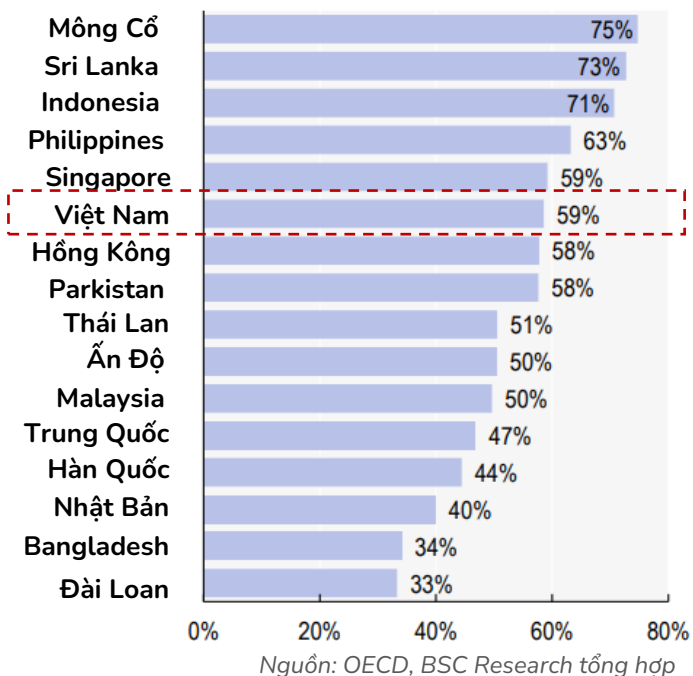
Tỷ lệ sở hữu cổ phần Nhà nước trên TTCK Việt Nam và tính “cô đặc” khu vực châu Á

Giá trị cổ phần Nhà nước đang sở hữu theo phân ngành ICB cấp 2

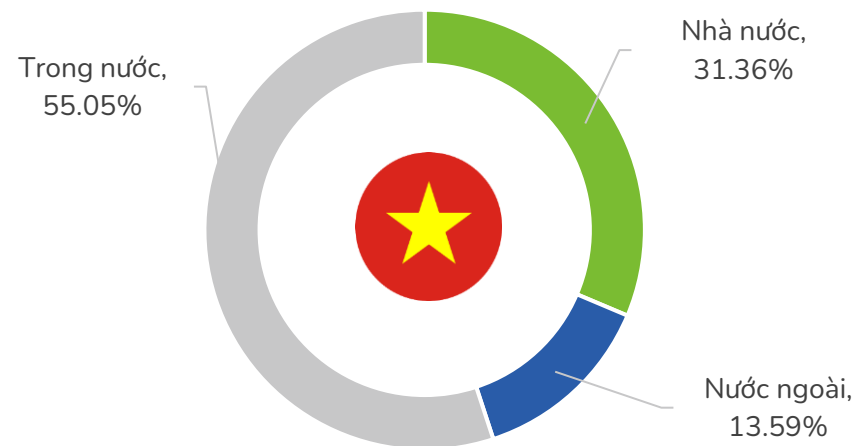


* Dữ liệu cập nhật tại ngày 25/02/2026, bao gồm các 1,617 doanh nghiệp trên 03 sàn

Tỷ lệ sở hữu trung bình của 03 cổ đông lớn nhất khu vực châu Á (2024)



Tỷ lệ sở hữu phân theo nhóm nhà đầu tư



* Dữ liệu cập nhật tại ngày 25/02/2026, bao gồm các doanh nghiệp có tổng vốn hóa chiếm hơn 80% tổng các mã giao dịch trên 03 sàn

Tỷ lệ sở hữu phân loại theo nhóm cổ đông lớn, nhỏ lẻ

